



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Kính thưa Quý cổ đông!

Trong năm 2017, tôm chính thức được Chính phủ phê duyệt là sản phẩm quốc gia và cần phải được đầu tư đẩy mạnh phát triển. Ngành tôm xuất khẩu đã có một năm kinh doanh thuận lợi nhất trong nhiều năm trở lại đây nhờ sự tăng nhanh nhu cầu ở các thị trường nhập khẩu lớn. Bên cạnh đó, mới đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025. Mục tiêu là đưa ngành tôm Việt Nam trở thành ngành công nghiệp sản xuất lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái; đồng thời, nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Việt Nam, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước. Từ đó, Minh Phú với tư cách là doanh nghiệp đứng đầu ngành tôm, đã là một trong những Công ty thực hiện tốt nhất kế hoạch của Chính phủ đề ra trong năm vừa qua, lợi nhuận trong năm vừa qua của Công ty đã tăng 8 lần so với năm 2016.



Xuất khẩu tôm hiện đang chiếm gần 1/2 kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành thủy sản và còn rất nhiều dư địa để phát triển. Để hiện thực hóa mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ là đến năm 2025, xuất khẩu tôm nước ta đạt 10 tỷ USD, ngay trong năm 2018, ngành tôm đã đưa ra nhiều giải pháp chiến lược nhằm tạo nên sự bứt phá từ khâu tôm bố mẹ, tôm giống, nuôi tôm, chế biến và xuất khẩu, một trong những giải pháp then chốt mà các Bộ, Ngành đang hướng đến là tăng cường ứng dụng khoa học hiện đại vào khâu nuôi và đẩy nhanh hoàn thiện các vùng an toàn dịch bệnh nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Còn ở khâu chế biến, ưu tiên xuất khẩu các mặt hàng giá trị gia tăng vào những phân khúc cấp cao là bước đột phá mà ngành tôm nước ta đang hướng đến. Việc hình thành từng khu nuôi tôm công nghệ cao cho đến những quy trình nuôi, chế biến hiện đại cho thấy những điểm sáng của ngành tôm ở hiện tại. Sự chuyển biến tích cực này hứa hẹn sẽ tạo nên nhiều đột phá cho ngành tôm nước ta trong năm 2018 tới.

Trong thời gian tới, Công ty cùng với Vụ Khoa Học và Công Nghệ của bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn và các viện nghiên cứu thủy sản tập trung xây dựng quy trình công nghệ nuôi tôm sú trong rừng ngập mặn, tôm sú quảng canh, tôm sú quảng canh cải tiến và tôm - lúa đạt năng suất cao, đạt chứng nhận hữu cơ và đa chứng nhận (tức là đạt nhiều chứng nhận một lúc như: BAP, ASC....) để đảm bảo cung cấp cho các nhà máy chế biến của Minh Phú nguồn nguyên liệu chất lượng cao và dồi dào, đây là điểm sáng cho năm 2018. Đặc biệt, Minh Phú sẽ cùng BIM Group triển khai dự án Khu phức hợp đô thị công nghiệp, nuôi tôm công nghệ cao 10.000 ha ở Kiên Giang có hiệu quả kinh tế cao, và bền vững là hướng đột phá cho năm 2018 và các năm tiếp theo. Điều đáng chú ý hơn nữa là Minh Phú đang ứng dụng mạnh mẽ IOT và trí tuệ nhân tạo IA vào toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị tôm nhằm cắt giảm nhân công và đạt được hiệu quả kinh tế vượt bậc.

Với diện tích tiềm năng lớn có thể phát triển, chính sách hỗ trợ phát triển được nhà nước quan tâm, nguồn lao động sẵn có nhiều cùng với nguồn giống đa dạng và thị trường càng ngày càng mở rộng. Tuy nhiên Công ty cũng sẽ gặp không ít thách thức như phải nâng cao trình độ canh tác, kiểm soát chất lượng và giá cả, cắt giảm các mắt xích trung gian cũng như liên kết đảm

bảo đầu ra cho sản phẩm. Với sự đồng lòng của toàn bộ nhân viên, người lao động trong Công ty, Minh Phú hoàn toàn tự tin vào khả năng thành công lớn của những dự án này.

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với công ty Minh Phú trong suốt thời gian qua.

Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đó, Minh Phú sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững, tiếp tục giữ vững vị thế là công ty hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu tôm. Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Tập đoàn thủy sản Minh Phú cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn Quang

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC, CÁC CÔNG TY CON,

CÔNG TY LIÊN KẾT

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH THỰC ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TÂM NHÌN

“Thông qua việc sở hữu các chuỗi giá trị khép kín và có trách nhiệm; Minh Phú hướng đến việc xây dựng một hệ sinh thái hoàn chỉnh, mang lại những giá trị tốt đẹp cho tất cả các thành viên liên quan, đưa Việt Nam lên bản đồ thế giới với vị thế là nhà cung ứng tôm chất lượng hàng đầu”

SỨ MỆNH

“Tại Minh Phú, chúng tôi không ngừng kết hợp kinh nghiệm, sự sáng tạo, và trách nhiệm trong toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất tôm, từ khâu đầu đến khâu cuối. Sứ mệnh của chúng tôi là cung cấp cho thị trường toàn cầu những sản phẩm tôm Việt Nam tốt nhất, sạch nhất, và dinh dưỡng nhất; đồng thời mang đến cho người tiêu dùng sự an tâm và trải nghiệm tuyệt vời nhất trên từng bàn ăn, trong từng bữa ăn.”

Điều tạo nên những giá trị khác biệt ở Minh Phú đó chính là việc chúng tôi sản xuất các sản phẩm của mình không chỉ dựa trên nhu cầu tiêu dùng thông thường, mà còn được thúc đẩy bởi các giá trị lịch sử, văn hoá, và các mục tiêu phát triển bền vững như: đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, cân bằng lợi ích xã hội, và quan tâm đến quyền lợi vật nuôi”



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN CHUNG



MINH PHU

SHARING GOOD FOOD

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
MINH PHU SEAFOOD CORPORATION

CTCP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Tên công ty	CTCP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số	: 6103000072
Trụ sở chính	: Khu công nghiệp Phường 8, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ	: 700.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 2.991.625.028.663 đồng
Điện thoại	: 0290. 3 839391
Fax	: 0290. 3 668795
Website	: www.minhphu.com
Mã chứng khoán	: MPC

QUÁ TRÌNH

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1992 - 2000

2001 - 2002

2002 - 06/2008

06/2008 - 2009

Doanh nghiệp tư nhân cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là chế biến thủy sản để cung ứng cho các đơn vị trong nước xuất khẩu.

Ngày 01 tháng 07 năm 1998, được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú và đồng thời tăng vốn điều lệ lên thành 5 tỷ đồng.

Ngày 19/09/2000 Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý được thành lập với ngành nghề kinh doanh chính là Chế biến, xuất khẩu thủy sản. Vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý là 200 tỷ đồng.

Ngày 30/10/2001 Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát được thành lập với ngành nghề kinh doanh chính là chế biến, xuất khẩu thủy sản. Vốn điều lệ ban đầu là 3 tỷ đồng. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát là 100 tỷ đồng. Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú được giải thể và thành lập Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú - TNHH với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

Chuyển từ mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần. Ngày 16/01/2006, Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang được thành lập với vốn điều lệ 9 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính là Nuôi trồng thủy sản. Vốn điều lệ hiện nay của Minh Phú - Kiên Giang là 150 tỷ. Ngày 09/02/2006, Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú được thành lập với vốn điều lệ 9 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất, cung cấp giống thủy sản. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú là 30 tỷ.

Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood. Ngày 27/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với 60.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu. Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%. Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 40.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 50 triệu USD.

2010 - 2011

Ngày 23 tháng 06 năm 2010, đổi tên công ty thành Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú.

Ngày 26 tháng 05 năm 2010, thành lập Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

Ngày 11 tháng 11 năm 2010, thành lập Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú-Lộc An với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100%.

Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH chế biến Thủy sản Minh Phú - Hậu Giang từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 97,5%.

Ngày 6/12/2011 thành lập công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 250 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100%.

2012 - 2013

Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận.

Ngày 19/10/2013 Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt được thỏa thuận chào bán riêng lẻ 26,67 triệu cổ phiếu, tương đương 30,77% cổ phần của Công ty con là Công ty thủy sản Minh Phú Hậu Giang cho Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) - Công ty con tại Singapore thuộc tập đoàn Mitsui.

Ngày 18/11/2013 chuyển đổi tên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang và tăng vốn điều lệ lên 866.666.670.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú sở hữu 67,5%, Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) sở hữu 30,8% và ông Nguyễn Thanh Cần sở hữu 1,7%.

2014 - 2015

Công ty đã thực hiện mua cổ phiếu quỹ 2 lần, lần 1 từ ngày 07/04/2014 tới ngày 07/05/2014 và lần 2 từ ngày 07/11/2014 tới ngày 07/12/2014. Do mua cổ phiếu quỹ nên số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện nay là: 68.462.850 cổ phiếu.

Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, vốn điều lệ: 2 tỷ đồng. Giải thể Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (Mã số DN: 1701635962 do Sở KHĐT Kiên Giang cấp ngày 22/12/2011; và có địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), giao tài sản của Minh Phú Hòa Điền cho Minh Phú Hòa Điền khai thác quản lý.

Tại ngày 15/05/2015, HĐQT đã thông qua quyết định 155/BB.HĐQT.2015 về việc thành lập Ebisumo Logistic Co. Ltd tại Nhật Bản với vốn pháp định là 600.000 USD.

2016 - nay

Ngày 23 tháng 3 năm 2016, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 233/HDQT.MPC.16, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú, tại tỉnh Hậu Giang, Việt Nam với vốn pháp định được duyệt là 40.800.000.000 VND. Lĩnh vực hoạt động Công ty là kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2017, căn cứ theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 01/HDQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tham gia thành lập Công ty Cổ phần Xã hội Chuỗi tôm rừng Minh Phú, tại tỉnh Cà Mau, Việt Nam với vốn pháp định là 18.000.000.000 VND với mục đích là liên kết các hộ dân, nông lâm ngư trường nhằm nuôi tôm bền vững, đạt các chứng chỉ chứng nhận quốc tế và bảo vệ môi trường rừng. Công ty đã niêm yết Upcom vào ngày 16/10/2017

MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU



Mốc sự kiện	Sự kiện tiêu biểu
1998	Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú với công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm.
2000	Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Quý với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm
2006	Chính thức tham gia vào hoạt động nuôi tôm thương phẩm với sự ra đời của Công ty nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Kiên Giang. Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phát với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm. Khánh thành và đưa vào hoạt động Trại sản xuất con giống Ninh Thuận với công suất thiết kế 5 tỷ tôm post /năm.
2010	Nâng công suất cơ sở chế biến tôm xuất khẩu ở Cà Mau lên 36.000 tấn thành phẩm /năm.
2011	Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú Hậu Giang với công suất 40.000 tấn thành phẩm/năm.
2012	Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận.
2013	Giải thể Công ty TNHH một thành nuôi tôm sinh thái Minh Phú theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 ngày 16/05/2013 số 01/NQĐHMP13. Chuyển đổi Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

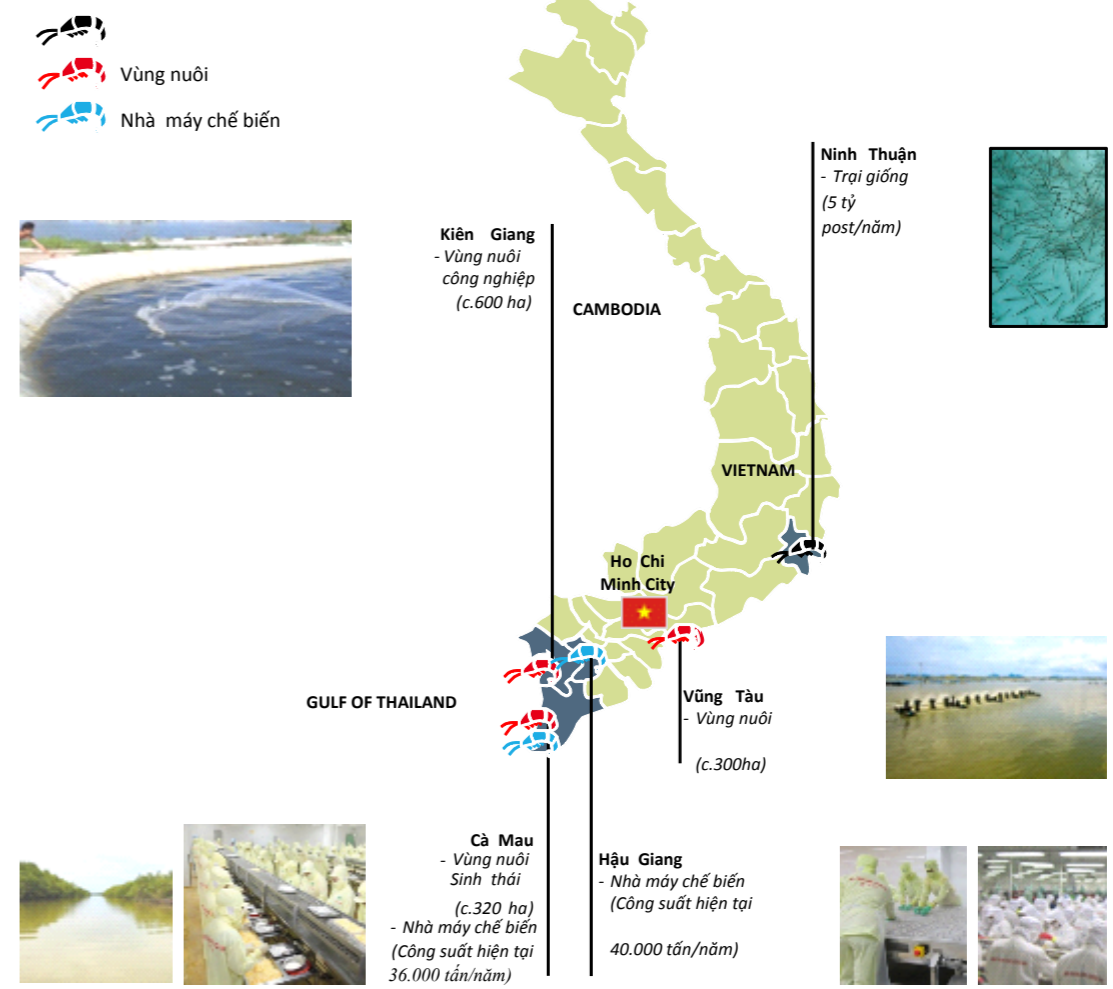
Mốc sự kiện	Sự kiện tiêu biểu
2014	Đầu tư 3,9 tỷ đồng vào Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Minh Phú Aquamekong (MST: 0312398643, địa chỉ 36 đường số 18, KP7, P. Linh Đông, Q.Thủ Đức, Tp.HCM) để nắm giữ 48,7% vốn điều lệ công ty này. Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, vốn điều lệ: 2 tỷ đồng. Giải thể Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (Mã số DN: 1701635962 do Sở KHĐT Kiên Giang cấp ngày 22/12/2011; và có địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), giao tài sản của Minh Phú Hòa Điền cho Minh Phú Kiên Giang khai thác quản lý. Ngày 25-09-2014 phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 3 năm lãi suất 9,65% năm, Sau khi hoán đổi CCS sang lãi suất USD lãi suất TP còn phải trả là 4,5%/năm.
2015	Ngày 11/06/2015 Công ty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú phát hành 1,000 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 5 năm lãi suất cố định 7,5%/năm. Ngày 03/07/2015 Công ty CP Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang phát hành 1,000 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 5 năm lãi suất cố định 7,5%/năm. Tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty tại các tổ chức tín dụng.
2016	Ngày 23/03/2016 Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (Minh Phu Food) được thành lập với mục tiêu chuyên nghiệp hóa việc bán hàng nội địa và xuất khẩu của Minh Phú.
2017	Ngày 12/01/2017, Công ty Cổ phần Xã Hội Chuỗi tôm rừng Minh Phú, tại tỉnh Cà Mau với vốn là 9,9 tỷ đồng mới mục đích là liên kết các hộ dân, nông lâm ngư trường nhằm nuôi tôm bền vững, đạt các chứng chỉ chứng nhận quốc tế và bảo vệ môi trường. Công ty đã niêm yết Upcom vào ngày 16/10/2017

NGÀNH NGHỀ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

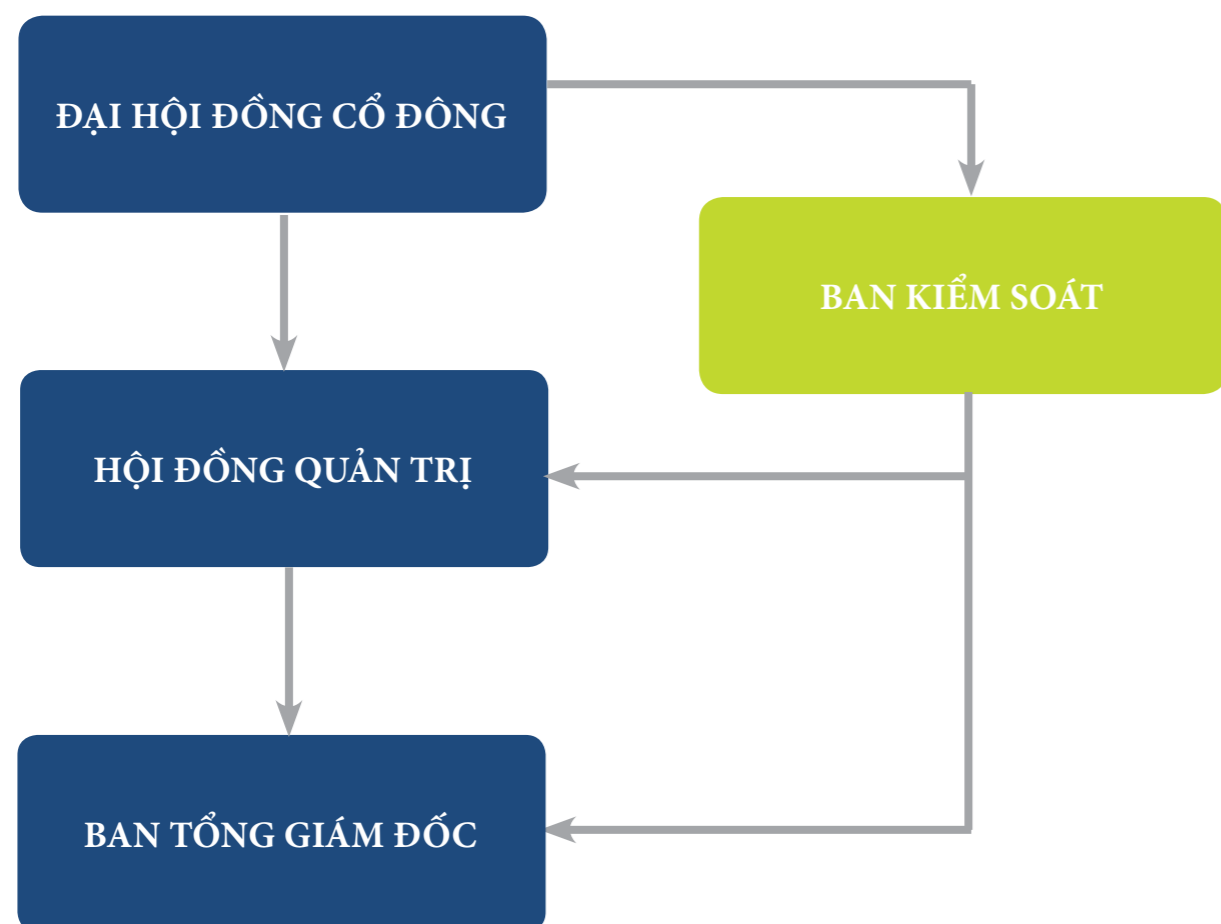
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, bán buôn thực phẩm
- Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và tư máy móc thiết bị, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- Vận tải hàng hoá đường bộ, cho thuê xe có động cơ



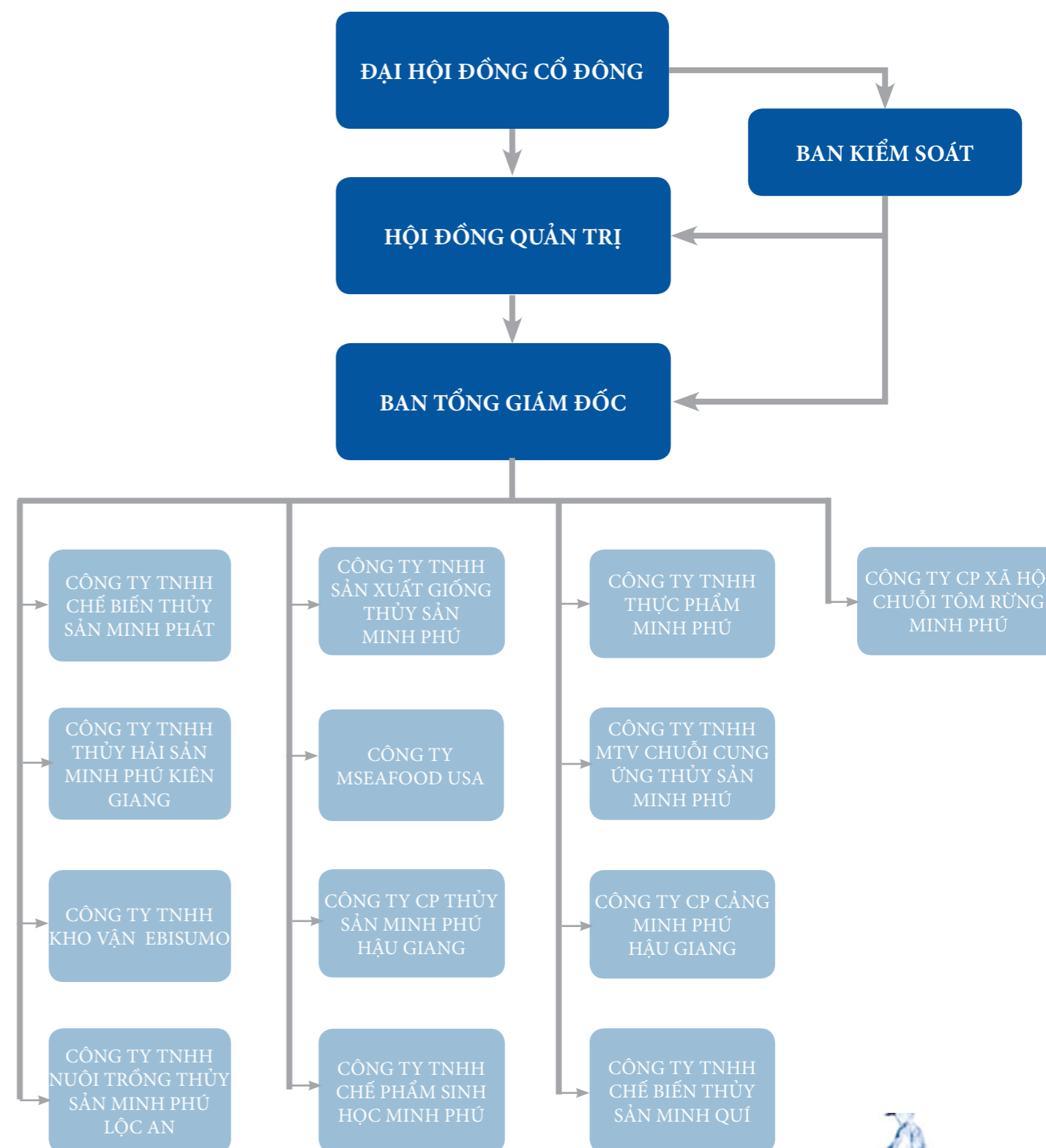
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Mô hình quản trị Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú được xây dựng trên quan điểm bảo vệ quyền lợi và lợi ích cho các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông thiểu số, mô hình Tập đoàn Minh Phú có Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát, với mô hình này nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên HĐQT và TGD, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực, qui định rõ điều kiện và tiêu chuẩn của các chức danh quản lý trong Tập đoàn, tăng thêm qui định về công khai và minh bạch hoá, nhất là đối với những người quản lý, nâng cao, tăng cường và qui định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

Tên công ty	Vốn điều lệ	Đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Minh Phú	Cổ đông thiểu số
Công ty Mseafood USA	22,2	triệu USD	Nhập khẩu, phân phối thủy sản	California, Mỹ	90%	Lê Văn Quang
Công ty cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	866,67	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Châu Thành, Hậu Giang	67,5%	Nguyễn Thanh Cần
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý	200	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	97,5%	Chu Thị Bình
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phát	100	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	95,0%	Lê Văn Quang
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	huyện Kiên Lương, Kiên Giang	99,1%	Lê Văn Quang
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	30	tỷ VND	Gia hóa, tuyển chọn và sản xuất tôm giống	huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	98,5%	Lê Văn Quang
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu	100%	
Công ty TNHH MTV sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	4,5	tỷ VND	Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản	huyện Thới Bình, Cà Mau	100%	

Tên công ty	Vốn điều lệ	Đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Minh Phú	Cổ đông thiểu số
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung Ứng Thủy Sản Minh Phú	2	tỷ VND	Cung cấp giống, kinh doanh thủy sản, tư vấn nuôi trồng	huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	100%	
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	200	tỷ VND	Hợp tác đầu tư dự án cảng	huyện Châu Thành, Hậu Giang	50%	Lê Văn Quang
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	8	tỷ VND	Tư vấn công nghệ nuôi trồng thủy sản, sơ chế bảo quản thủy sản,...	Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, HCM	49%	Trần Hữu Lộc 51%
Công ty TNHH Kho vận EBISUMO	600.000	USD	Xuất nhập khẩu và giao nhận thủy sản	Phòng 705, tầng 7, toà nhà Yunhaisu Kachidoki, yphường Tsukushima, Quận Chuo, TP.Tokyo, Nhật Bản	100%	
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú	2	tỷ VND	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	100%	
Công ty TNHH M e k o n g Logistic	200	tỷ VND	Khai thác cảng biển, và dịch vụ Logistic	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	41%	
Công ty Cổ phần Xã hội Chuỗi tôm rừng Minh Phú	9,9	tỷ VND	Liên kết phát triển nuôi tôm bền vững	Huyện Ngọc Hiền, Cà Mau	45,45%	Lưu ý: Minh Phú nắm 100% quyền biểu quyết

ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

01

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

- Tiếp tục phấn đấu là Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam
- Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu Minh Phú Ngày càng lớn mạnh.
- Xây dựng mạng lưới đối tác, khách hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới.
- Tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị tôm, xây dựng chiến lược phù hợp, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong chuỗi giá trị ngành tôm.
- Xây dựng quy trình đánh giá kiểm tra chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện đa chứng nhận (BAP, ASC, Global GAP, Naturland, BIO Suisse, EU BIO ...) giúp Minh Phú tăng cường lợi thế cạnh tranh của mình trên thị trường quốc tế.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phù hợp để giúp Minh Phú gia tăng lợi thế của mình và ngày càng đem lại lợi ích cho khách hàng, đối tác, xã hội.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn của Minh Phú

- “Thông qua việc sở hữu các chuỗi giá trị khép kín và có trách nhiệm; Minh Phú hướng đến việc xây dựng một hệ sinh thái hoàn chỉnh, mang lại những giá trị tốt đẹp cho tất cả các thành viên liên quan, đưa Việt Nam lên bản đồ thế giới với vị thế là nhà cung ứng tôm chất lượng hàng đầu”
- Để định vị được con tôm Việt Nam trên thị trường thế giới, Minh Phú xác định đi theo định hướng nâng cao giá trị con tôm và tổ chức sản xuất theo hướng bền vững. Theo đó, cần có giải pháp nuôi tập trung, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị, và áp dụng công nghệ cao để kiểm soát dịch bệnh, cân bằng cung cầu về nguyên liệu, kiểm soát chi phí, và giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh với thị trường thế giới. Kết hợp với Vụ Khoa Học và Công Nghệ của bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn và các viện nghiên cứu thủy sản tập trung xây dựng quy trình công nghệ nuôi tôm sú trong rừng ngập mặn, tôm sú quảng canh, tôm sú quảng canh cải tiến và tôm - lúa đạt năng suất cao, đạt chứng nhận hữu cơ và chứng nhận đảm bảo cung cấp cho các nhà máy chế biến của Minh Phú nguồn nguyên liệu chất lượng cao và dồi dào. Đưa Khu Phức Hợp Công nghiệp Công nghệ cao Chuỗi giá trị tôm bền vững vào vận hành. Ứng dụng IOT và trí tuệ nhân tạo AI vào nuôi tôm, chế biến, xuất khẩu và phân phối bán hàng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM SẮP TỚI

Về nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo & ứng dụng

- Nguyên cứu và xây dựng các công nghệ nuôi tôm công nghệ cao, và đào tạo kỹ sư thực ngành cũng như công nhân kỹ thuật cao, để cung cấp cho vùng nuôi tôm công nghệ cao.

Về Sản xuất con giống:

- Sử dụng nguồn Tôm Bố mẹ nhập khẩu có đặc tính di truyền nổi trội: sạch bệnh & lớn nhanh
- Thành lập các vùng ương tôm gần vùng nuôi để ương tôm thành PL10-12 cung cấp cho các vùng nuôi lân cận để đạt được hiệu quả nuôi tôm cao, giảm rủi ro

Về thức ăn tôm:

- Hợp tác với các đối tác lớn sản xuất thức ăn đạt được chất lượng thức ăn tốt nhất, dinh dưỡng cao, tôm dễ hấp thụ, giảm lượng chất thải, giúp nước ao nuôi sạch hơn hạn chế dịch bệnh.

Về nuôi trồng:

- Xây dựng vùng nuôi công nghệ cao tại Lộc An và Kiên Giang để có thể cung cấp được nguồn tôm sạch chất lượng tốt, giá thành thấp đáp ứng 30% nhu cầu nguyên liệu của MP
- Là thành viên hạt nhân phát triển các dự án Khu Phức hợp công nghiệp công nghệ cao ở ĐBSCL nhằm tăng nguồn nguyên

liệu sạch, giá thành thấp.

- Ứng dụng giải pháp phần mềm sử dụng kết nối Internet vạn vật (IOT) được tích hợp với các thiết bị cảm biến và thiết bị tự động (máy cho ăn, quạt nước, máy bơm...) tăng khả năng tự động hóa ở trại nuôi
- Từng bước ứng dụng Trí thông minh nhân tạo AI để thu thập, lưu trữ thông tin để đưa ra những khuyến nghị xử lý phù hợp tăng hiệu quả, giảm rủi ro giảm giá thành cho toàn bộ các khâu trong chuỗi cung ứng.

Thành lập sàn giao dịch tôm:

- Xây dựng sàn giao dịch tôm đầu tiên ở Việt Nam. Mục tiêu thúc đẩy và xúc tiến thương mại thị trường Việt Nam.

Về chế biến xuất khẩu:

- Năm 2018 Xây dựng nhà máy chế biến Minh Quý tại khu công nghiệp Khánh An (cà mau) 40.000 tấn và nâng lên 200.000 tấn tôm thành phẩm/ năm trong 3-5 năm tiếp theo.
- Áp dụng công nghệ trí thông minh nhân tạo AI để quản lý và điều hành sản xuất theo nhu cầu của thị trường và người tiêu dùng.
- Xử lý phụ phẩm
- Hợp tác với các đơn vị có công nghệ đột phá, hàng đầu có khả năng xử lý sạch sẽ, không phát sinh mùi; công nghệ xử lý phải thân thiện môi trường và sản phẩm đầu ra có thể thương mại hóa được.



CÁC NHÂN TỐ

RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 khá khả quan khi mức tăng trưởng GDP đạt 6,81% so với năm 2016, mức tăng trưởng vượt mức chỉ tiêu đề ra là 6,7% và cao hơn mức tăng trưởng của các năm 2011-2016.

Đóng góp vào mức tăng trưởng 6,81% trên có sự đóng góp không nhỏ từ khu vực nông, lâm, thủy sản khi có sự phục hồi đáng kể. Ngoài ra, còn có sự đóng góp từ khu vực xuất khẩu hàng hóa. Tính chung cả năm 2017, kim ngạch xuất khẩu đạt 217,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm trước đây, trong đó xuất khẩu thủy sản chiếm 8,4 tỷ USD tăng 18,5%.

Bước qua năm 2018, ngành xuất khẩu tôm sẽ gặp thách thức lớn trên thương trường thế giới. Đó là sự đòi hỏi ngày càng nghiêm ngặt hơn về các hàng rào tiêu chuẩn kỹ thuật. Các cơ chế để minh bạch và nhanh chóng truy xuất nguồn gốc từng gói hàng phải chặt chẽ hơn. Điều lo lắng nhất là khoảng 90% tôm nuôi trong điều kiện nhỏ lẻ manh mún, khó kiểm soát. Do vậy, giải pháp cần thiết là dồn điền để tạo ra các trang trại nuôi tôm lớn hoặc hợp tác hoá

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu tương đối đa dạng, vì vậy việc biến động tỷ giá hối đoái cũng là một vấn đề đáng quan tâm đối với ban lãnh đạo Công ty. Nhằm hạn chế rủi ro về tỷ giá hối đoái, Công ty đã lên các chính sách điều chỉnh các nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất nhập khẩu và tín dụng thương mại ... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến các đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực



hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro về mặt tỷ giá ở mức thấp nhất.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường: Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khá tiêu cực, nước biển dâng đã làm nước mặn tiến sâu vào nội đồng tác động trực tiếp đến vùng sản xuất giống và nuôi tôm. Thêm vào đó, nguồn nước ở thượng nguồn có nguy cơ bị ô nhiễm do chịu tác động của việc xây đập thủy điện của các nước ở thượng nguồn dẫn đến việc nước lũ đổ về không đủ để cuốn trôi các chất thải trong ao nuôi tôm, đào thải thuốc bảo vệ thực vật nông nghiệp, tạo điều kiện để mầm bệnh trong nước sinh sôi nảy nở kéo theo nguy cơ dịch bệnh. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh nuôi tôm, dù Minh Phú luôn nỗ lực hết sức để đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng vẫn ít nhiều bị ảnh hưởng bởi môi trường chung cũng như không thể kháng

cự lại tác động của thiên nhiên.

Rủi ro nguyên vật liệu: Nuôi trồng thủy sản là ngành bị phụ thuộc khá nhiều vào các điều kiện tự nhiên như thiên tai; dịch bệnh có thể bất ngờ xảy ra khiến cho rủi ro kinh doanh là khá lớn. Nguồn nguyên liệu nuôi trồng có thể xảy ra tình trạng tôm chết hàng loạt do nguồn nước bị ô nhiễm; môi trường sinh thái bị biến động; con giống nhiễm bệnh...ảnh hưởng tới nguồn thu mua của công ty. Mặt khác giá thức ăn chăn nuôi; thuốc kháng sinh cho tôm đang có xu hướng tăng trong thời gian gần đây cũng khiến cho giá thành sản xuất tăng cao.

Rủi ro thị trường xuất khẩu: Khó khăn cho Minh Phú nói riêng và các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra nói chung bởi những khoản phải chịu thêm như chi phí kiểm tra, chi phí lưu kho....

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Những vấn đề xuất hiện và ngăn cản sự phát triển của nghề nuôi tôm bao gồm bùng phát

bệnh dịch do virus, sự xuống cấp của môi trường, phá hủy rừng ngập mặn, thiếu hụt các trại nuôi tôm giống có chất lượng. Ngoài ra, việc thay đổi môi trường tự nhiên ven biển đã làm xuất hiện những lo ngại liên quan tới chất lượng nước và đất, sự cân bằng môi trường. Công ty luôn áp dụng khoa học công nghệ để khắc phục suy thoái đất và nước:

- Cải tạo đáy ao bằng cách thay đổi loài nuôi.
- Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học.
- Tái sử dụng nguồn nước nuôi tôm để hạn chế thải ra ra vùng ven bờ (chỉ sử dụng cho mô hình nuôi cỡ nhỏ).
- Hạn chế sử dụng thuốc, hoá chất và đúng quy định.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Minh Phú chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Minh Phú còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Minh Phú cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Minh Phú còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong chế biến tôm thành phẩm và các sản phẩm từ tôm, cá...

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho ...là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Công ty đã đạt được nhiều thành tựu trong năm vừa qua, sản lượng cũng như kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao nhất trong lịch sử hình thành: Sản lượng xuất khẩu của công ty đã đạt 55 ngàn tấn trong năm qua, tăng 24% so với cùng kì, trong khi kim ngạch đạt mức 693 tỷ đồng, tăng 30,5%. Doanh thu thuần cũng đạt hơn 15,66 ngàn tỷ đồng và đặc biệt lợi nhuận ròng đạt 714,16 tỷ đồng, gấp 8,7 lần so với năm 2016



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	47.751	42.457	55.775
2	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	44.165	44.874	56.514
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu (USD)	526,25	530,62	697,77
4	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	12.286	11.973	15.665
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(6.95)	81.89	714.16

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH SO VỚI KẾ HOẠCH:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	Tăng trưởng so với kế hoạch
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu (USD)	692	681	1,69%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	55.775	55.300.	0,86%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	15.665	15.781	-0.74%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	792	951	-16,67%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	714	841	-15,11%

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ KINH DOANH

Qua bảng so sánh trên cho thấy sản lượng sản xuất và kim ngạch xuất khẩu năm 2017 đã đạt so với kế hoạch, doanh thu thuần gần như đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế và sau thuế chỉ đạt lần lượt đạt 83,33% và 84,89% so với kế hoạch.



ÔNG LÊ VĂN QUANG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 28/10/1958

Nơi sinh: Quảng Yên - Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1981 - 1983	Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải.
1983 - 1986	Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
1986 - 1988	Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải
1992 - 2003	Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú.
2003 - 2006	Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú.

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.



DANH SÁCH BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Văn Quang	Tổng giám đốc	15.961.000	22,8%
2	Ông Chu Văn An	Phó tổng giám đốc	1.109.400	1,58%
3	Bà Chu Thị Bình	Phó tổng giám đốc	17.475.010	24,96%
4	Ông Lê Văn Điệp	Phó tổng giám đốc	1.965.445	2,81%
5	Ông Lê Ngọc Anh	Phó tổng giám đốc	1.100	0,00%
6	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó tổng giám đốc	3.155.000	4,51%
7	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó tổng giám đốc	1.166	0,00%
8	Ông Bùi Anh Dũng	Phó tổng giám đốc	0	0,00%

BÀ CHU THỊ BÌNH - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1981 - 1995	Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau
1996 - 1997	Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác
1998 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

ÔNG CHU VĂN AN - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 02/05/1953 Nơi sinh: Thái Bình
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1997 - 1999	Trưởng ban quản lý Công trình.
1999 - 2001	Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú.
2002 - nay	Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.



ÔNG THÁI HOÀNG HÙNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1964 Nơi sinh: Bạc Liêu
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1982 - 1987	Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang.
1987 - 1991	Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu. 1992 - 1995
1992 - 1995	Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu
1995 - 1998	Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO
1998 - 2003	Trưởng phòng kỹ thuật công ty XNK thủy sản Minh Phú-TNHH
2003 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty Minh Phú.



ÔNG LÊ VĂN ĐIỆP - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 26/12/1972 Nơi sinh: Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1999 - 2002	Phó phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp CBTS thủy sản Minh Phú
2003 - 2006	Phó giám đốc tài chính Công ty XNK thủy sản Minh Phú
2006 - 2007	Thành viên hội đồng quản trị, P. Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.
07/05/2007 - 31/12/2007	Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.
2008 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc nhà máy Minh Phú Cà Mau.



ÔNG BÙI ANH DŨNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 01/01/1975 Nơi sinh: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1998 - 2000	KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú;
2000 - 2002	Nhân viên XNK Công ty XNK Thủy sản Minh Phú;
2003 - 2006	Phó Giám đốc Kế Hoạch Thị Trường Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú.
2007 - 2011	Giám đốc Kế Hoạch Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh.



ÔNG LÊ NGỌC ANH - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 20/04/1973 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1997-1999	KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú;
2000 - 2003	Trưởng KCS Công ty XNK Thủy sản Minh Phú;
2003 - Nay	Giám đốc Chất lượng Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc



BÀ LÊ THỊ DIỆU MINH - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 14/06/1986 Nơi sinh: Cà Mau
 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
05/2006-05/2007	Thành viên HĐQT Cty CP Thủy hải sản Minh Phú;
6/2007-3/2015	Trợ lý Tổng giám đốc Tập đoàn Thủy sản Minh Phú;
3/2015-nay	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Thủy sản Minh Phú;

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Minh Phú



CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	12.893	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	653	5,06%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	981	7,61%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	77	0,60%
4	Lao động phổ thông	11.182	86,73%
II	Theo hợp đồng lao động	12.893	100,00%
1	Toàn thời gian	12.893	100,00%
2	Bán thời gian	-	0,00%
III	Theo giới tính	12.893	100,00%
1	Nam	3.399	26,36%
2	Nữ	9.494	73,64%

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

- 100% CB CNV được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ ốm, nghỉ phép...v.v. và các chế độ khen thưởng phúc lợi khác); khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu tại các cơ sở y tế uy tín.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc: đồng phục, bảo hộ lao động, chi phí xăng xe máy cá nhân, các máy móc dụng cụ phục vụ công việc.

TÌNH HÌNH

ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN LỚN

Tính đến 31/12/2017, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong 3,9 tỷ đồng và Công ty TNHH Mekong Logistic là 104,8 tỷ đồng. Ngoài ra Công ty còn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau 7 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	8.190	9.510	16,12%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.973	15.665	30,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	24,7	792	3100,85%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	76,1	256,7	237,32%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100,9	792,2	685,29%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,9	714,2	772,09%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	2,82	1,82
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,45	0,90
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	72,0%	68,5%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	327,2%	268,3%
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,47	3,78
- Vòng quay tài sản	Lần	1,38	1,77
4. Khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,68%	4,56%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,61%	27,03%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,94%	8,07%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,21%	5,06%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VDL
Cổ đông trong nước	61.619.670	88,03%
Cá nhân	52.347.972	74,78%
Tổ chức	9.271.698	13,25%
Cổ đông nước ngoài	6.843.180	9,78%
Cá nhân	83.090	0,12%
Tổ chức	6.760.090	9,66%
Cổ phiếu quỹ	1.537.150	2,20%
Tổng cộng	70.000.000	100,00%

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2017 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

BÁO CÁO

TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Đồng bằng sông Cửu Long - vùng cung cấp nguồn tôm nguyên liệu lớn, xuất khẩu tôm trọng điểm của cả nước, việc bảo đảm chất lượng tôm thương phẩm ngay từ những công đoạn nuôi chính là biện pháp được nhiều địa phương chú trọng. Điều này đòi hỏi cả doanh nghiệp lẫn người nuôi tôm cần chuyển từ cạnh tranh bằng giá sang bằng chất lượng.
- Truy xét về nguyên nhân dẫn đến tồn dư lượng hóa chất trong tôm thương phẩm, thì việc dịch bệnh xảy ra nhanh và mạnh trong thời gian qua đã tác động rất lớn đến người nuôi. Trình độ một số người dân còn hạn chế, chưa nắm chắc kỹ thuật, chủ yếu học hỏi nhau và làm theo kinh nghiệm, cộng thêm trên thị trường có quá nhiều hóa chất, thuốc bổ dưỡng, chất xử lý và cải tạo môi trường, sự quá tải của các thương hiệu, chất lượng chưa được kiểm

soát chặt chẽ làm cho người nuôi rối trí, sử dụng quá nhiều loại hóa chất một cách không cần thiết, làm môi trường và làm cho giá thành sản phẩm nuôi quá cao.

- Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp lớn có cán bộ kỹ thuật quản lý thì mức độ thiệt hại ít hơn các hộ nuôi theo kinh nghiệm do tâm lý nôn nóng thả nuôi nhiều bà con muốn dùng thuốc trị bệnh hoặc ngừa bệnh trên tôm và sử dụng không đúng cách nên gây tác hại lớn cho chất lượng tôm thương phẩm và môi trường ao nuôi.
- Do đó, trong nuôi thủy sản, Minh Phú đòi hỏi người nuôi phải nuôi đúng kỹ thuật. Nhất là trong nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú thâm canh, bán thâm canh do môi trường nuôi ngày càng xuống cấp, dịch bệnh xuất hiện nhiều, do đó người nuôi phải quản lý tốt môi trường nuôi, kết hợp áp dụng công nghệ vi sinh đúng phương pháp mới đạt được hiệu quả kinh tế.

MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ các nước như: Nhật, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch... với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Bên cạnh đó, Minh Phú đã thay thế toàn bộ quy trình sản xuất theo phương pháp thủ công trước đây (các bàn chế biến thông thường) bằng quy trình sản xuất bán tự động dạng băng tải, với quy trình sản xuất này ngoài việc nâng cao năng suất làm việc, điều kiện làm việc được cải thiện tốt hơn rất nhiều so với trước đây (không gian làm việc thông thoáng, giảm độ ẩm không khí, công nhân không phải đi lại nhiều v.v...). Với quy trình sản xuất này việc thu gom phế phẩm thải ra từ nguyên liệu và thành phẩm trong từng dây chuyền hoàn toàn tự động và độc lập tránh gây nhiễm chéo giữa nguyên liệu với bán thành phẩm cũng như phế liệu thải ra.

Dây chuyền sản xuất dạng băng tải mà Minh Phú đang áp dụng rất dễ sử dụng, dễ vệ sinh nên việc kiểm soát vi sinh hoàn toàn có thể. Ngoài ra chúng tôi có thể tiết giảm được lượng nước tiêu hao cho sản xuất so với việc sử dụng từng bàn chế biến riêng lẻ như trước đây khoảng từ 60 đến 70% tùy theo từng điều kiện.

Với quy trình sản xuất liên hoàn dạng băng tải chúng tôi hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khỏe công nhân viên, hạn chế sự phát triển của vi sinh vật

Bằng việc áp dụng công nghệ cấp đông tiên tiến nhất ở các nước Châu Âu nói chung ngoài việc nâng cao hiệu quả, giảm điện năng tiêu thụ bình quân còn góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng thành phẩm, chất lượng và hình thức sản phẩm hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu khách hàng ở các nước chúng tôi cung cấp.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG

LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

- Một lượng lớn các chất dinh dưỡng trong thức ăn tôm, cá không được hấp thụ vào cơ thể để tạo sinh khối mà bị thải ra ngoài môi trường xung quanh dưới dạng thức ăn dư thừa, phân và chất thải, là nguồn gây ô nhiễm chính cho môi trường.
- Hệ thống xử lý: Cần đầu tư hệ thống xử lý nước thải ao nuôi trước khi xả ra môi trường. Diện tích ao xử lý nước thải tối thiểu bằng 30% diện tích ao nuôi. Bùn thải trong nuôi thủy sản phải có khu chứa riêng trong cơ sở nuôi, hay có phương án xử lý phù hợp như: Bồi đắp nền nhà, tôn cao bờ đê, san lấp mặt bằng... Tránh tình trạng bơm bùn thải trực tiếp ra các kênh rạch, dẫn đến tình trạng ô nhiễm hữu cơ, để lại dư lượng hóa chất trong đất, nước và gây ra tình trạng bồi lắng các kênh rạch trong vùng nuôi.
- Dùng chế phẩm sinh học: Vi sinh vật nói chung và vi khuẩn nói riêng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình luân chuyển vật chất như phân hủy các chất hữu cơ, chuyển đổi các hợp chất vô cơ từ dạng này sang dạng khác. Do đó, cần đưa các vi sinh vật có lợi như vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm men vào trong ao nuôi giúp phân giải lượng lớn thức ăn dư thừa cũng như các chất thải trong quá trình nuôi. Trên thực tế, có rất nhiều chế phẩm sinh học đã và đang được sử dụng hiệu quả trong nuôi tôm nước lợ ở Việt Nam.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Ổn định và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên là chính sách được ưu tiên hàng đầu của Minh Phú. Các hoạt động cụ thể của Minh Phú như:

- Tổ chức các hoạt động tập thể, các tour du lịch dành cho cán bộ công nhân viên
- Định kỳ hằng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho cán bộ công nhân viên, cũng như tổ chức các buổi hướng dẫn bảo vệ an toàn sức khỏe.
- Công tác tổ chức đào tạo, tập huấn để nâng cao tay nghề, kỹ năng của cán bộ công nhân viên được tổ chức thường xuyên.
- Tặng quà cho con em cán bộ công nhân viên có thành tích học tập xuất sắc
- Tặng quà tết, quà 8/3, 20/10 cho cán bộ công nhân viên
- Thực hiện chương trình ESOP cho cán bộ chủ chốt

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Minh Phú chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như:

- Hỗ trợ cho các gia đình cán bộ công nhân viên bị bão số 10 và 12 trong năm vừa qua.
- Hỗ trợ và xây dựng hơn 10 căn nhà tình nghĩa trên địa bàn





BÁO CÁO VÀ
ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

- Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản VN (VASEP), với kim ngạch xuất khẩu 3,85 tỷ USD, tăng 22,3% so với năm 2016, ngành tôm Việt Nam đã tạo ra cột mốc mới về sản xuất, xuất khẩu đồng thời chuyển mạnh sang nuôi trồng bền vững nhằm tạo đà cho việc chiếm lĩnh các thị trường trong các năm tiếp theo.
- Ngành tôm Việt Nam đang phấn đấu xuất khẩu đạt 10 tỷ USD vào năm 2025 với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 15% mỗi năm. Nhưng với mức tăng trưởng khoảng 22%/năm như đã đạt được trong năm 2017, có thể Việt Nam sẽ cán mốc xuất khẩu 10 tỷ USD trước năm 2025.
- Thị trường Trung Quốc chắc chắn sẽ giữ mức tăng trưởng cao, do các vùng nuôi của Trung Quốc đang bị tàn phá bởi bão lũ và dịch bệnh. Kể từ ngày 1/12/2017, xuất khẩu tôm sang Trung Quốc được giảm thuế nhập khẩu từ 5% xuống 2% đối với sản phẩm tôm đông lạnh, do đó VASEP dự báo nhiều khả năng Trung Quốc sẽ vượt Nhật Bản để trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của tôm Việt Nam ngay trong năm 2018.
- Xuất khẩu tôm sang Nhật Bản sau nhiều năm tạm dừng do các hàng rào kỹ thuật đã tăng trưởng trong năm 2016 và tăng mạnh trong năm 2017. Năm 2017, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Nhật Bản đạt 704,1 triệu USD tăng 17,4% so cùng kỳ năm 2016. Nhật Bản chiếm 19,2% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam.
- Xuất khẩu tôm sang Mỹ vẫn gặp khó khăn nhất. Tuy nhiên, tình hình dần được cải thiện. VASEP cho biết kim ngạch xuất khẩu tôm sang Mỹ lũy kế 8 tháng đầu năm 2017 đạt 416 triệu USD, giảm chỉ còn 4,4% so với cùng kỳ năm 2016. Mỹ vẫn tiếp tục xếp thứ 4 trong số các thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam với giá trị 659,2 triệu USD, giảm 7% so với năm 2016. Việc xuất khẩu tôm sang Mỹ gặp khó khăn chủ yếu do hàng rào thuế quan và các hàng rào kỹ thuật. Tuy nhiên, giới chuyên môn nhận định, cũng tương tự như thị trường Nhật Bản, chất lượng và thương hiệu của ngành tôm Việt Nam ngày càng được khẳng định vì việc thị trường Mỹ "cởi mở" hơn với tôm Việt Nam và kim ngạch đạt mức tăng trưởng cao là điều sớm xảy ra.

Năm 2017 Minh Phú cũng có nhiều thuận lợi trong sản xuất kinh doanh so với các doanh nghiệp cùng ngành khác trong nước. Tuy nhiên do hoạt động chủ yếu là xuất khẩu nên công ty còn phải chịu cạnh tranh từ những nước khác đặt biệt là Ấn Độ, Indonesia. Thêm nữa, rào cản thương mại từ các nước nhập khẩu ngày càng tăng khiến cho chi phí sản xuất, bán hàng, kiểm soát chất lượng sản phẩm tăng lên. Những nguyên nhân đó ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Minh Phú.

Kết thúc năm 2017 Công ty hoàn thành và vượt 1,69% kim ngạch xuất khẩu so với kế hoạch, sản lượng sản xuất vượt do với kế hoạch 0,86%, doanh thu thuần đạt vượt 6,79% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 83,33% so với kế hoạch. Do thị trường tôm cạnh tranh, đặt biệt là các nước Ấn Độ, Indonesia có giá tôm nguyên liệu rẻ hơn Việt Nam rất nhiều nên để cạnh tranh được, công ty phải giảm biên lợi nhuận. Thêm nữa có một phần tồn kho giá cao của năm 2016 để lại ảnh hưởng tới biên lợi nhuận.

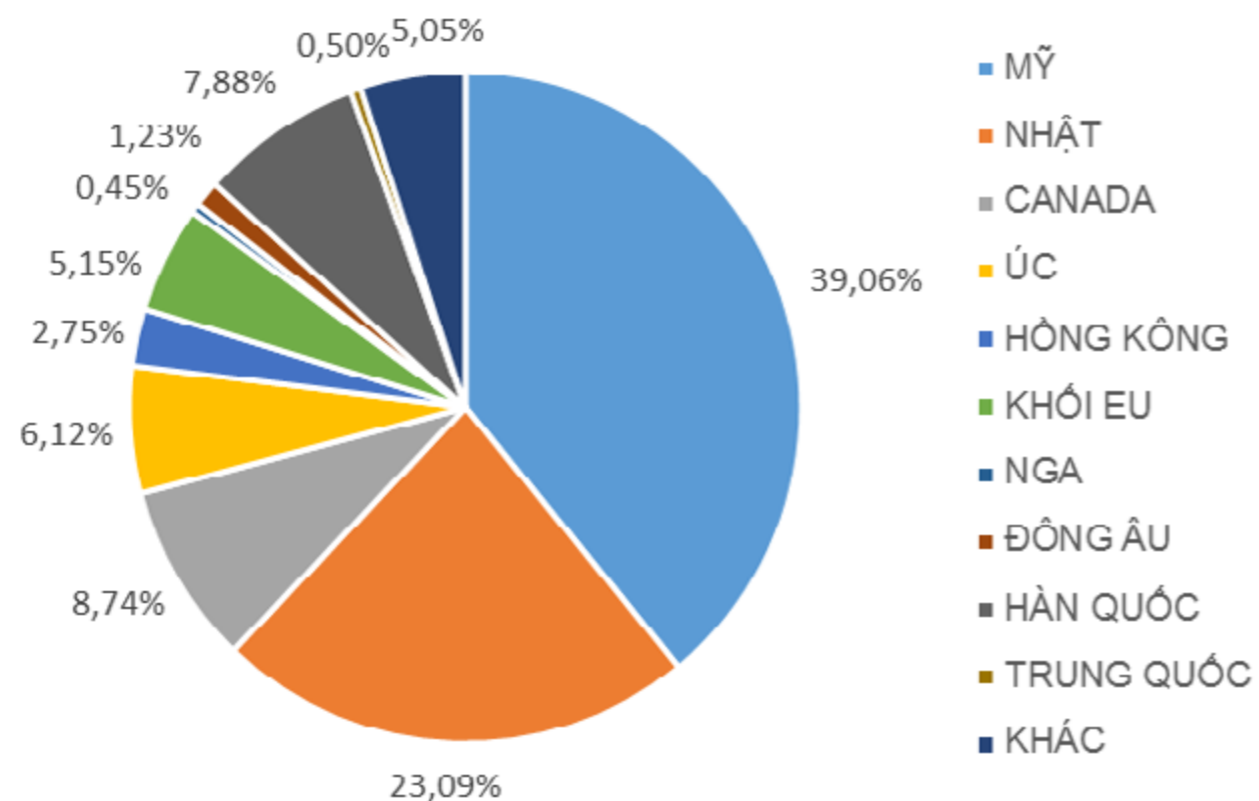
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	Tăng trưởng so với năm 2016(%)	Tăng trưởng so với kế hoạch (%)
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	530,62	692,51	681,00	30,51	1,69
Sản lượng sản xuất	Tấn	42.457,18	55.775,34	55.300,00	31,37	0,86
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.973,41	15.665,28	15.781,00	30,83	(0,73)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100,88	792,20	950,65	685,29	(16,67)
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,89	714,16	841,28	772,10	(15,11)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Tỷ đồng	72,08	639,02	-	786,54	-
Lãi cơ bản trên/CP	Đồng	1.053	9.254	-	778,82	-

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU ĐƯỢC PHÂN CHIA THEO QUỐC GIA

Thị Trường	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (triệu USD)	Tỷ lệ	Giá trị (triệu USD)	Tỷ lệ
HOA KỲ	219,65	41,39%	272,54	39,06%
NHẬT	109,22	20,58%	161,08	23,09%
CANADA	48,14	9,07%	60,98	8,74%
ÚC	25,76	4,86%	42,71	6,12%
HỒNG KÔNG	19,65	3,70%	19,19	2,75%
KHỐI EU	33,09	6,24%	35,91	5,15%
LIÊN BANG NGA	11,25	2,12%	3,13	0,45%
ĐÔNG ÂU	0,84	0,16%	8,56	1,23%
HÀN QUỐC	39,16	7,38%	54,96	7,88%
TRUNG QUỐC	3,63	0,68%	3,48	0,50%
KHÁC	20,23	3,81%	35,23	5,05%
Tổng cộng	530,62	100,00%	697,77	100,00%

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BIỂU ĐỒ TỶ TRỌNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU THEO QUỐC GIA



MẠNG LƯỚI KHÁCH HÀNG



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2017
1	Tài sản ngắn hạn	6.633	8.032	21,08%	84,45%
2	Tài sản dài hạn	1.557	1.478	-5,02%	15,55%
3	Tổng tài sản	8.190	9.510	16,12%	100,00%

Năm 2017, tổng tài sản của Công ty tăng 16,12% trong đó đóng góp chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn. Trong năm, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 21,08%, chủ yếu là do tình hình kinh doanh năm tốt lên, sản phẩm bán ra thị trường nhiều khiến khoản mục phải thu và hàng tồn kho của Công ty tăng cao.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	2.353	4.411	87,45%
2	Nợ dài hạn	3.544	2.107	-40,53%
3	Tổng nợ	5.897	6.519	10,54%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, nợ ngắn hạn năm 2017 có chiều hướng tăng cao thể hiện ở mức tăng đến 87,45% so với năm trước. Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu là do trong năm công ty tăng cường vay nợ để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động trong kinh doanh, ngoài ra các khoản mục khác như phải trả người bán tăng hơn gấp đôi trong năm 2017.

NỢ PHẢI TRẢ

Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.

Đẩy mạnh sản xuất chế phẩm sinh học để phục vụ cho các công ty thành viên nuôi trồng thủy sản và bán cho các hộ nuôi trồng thủy sản.

Xây dựng các chuỗi giá trị tôm có trách nhiệm và các chiến lược phù hợp để tiếp cận và thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong chuỗi sản xuất tôm: từ tôm bố mẹ, tôm giống, thức ăn tôm, chế biến xuất khẩu, nhập khẩu và logistics, phân phối và bán lẻ.

Tìm hiểu, nghiên cứu và xây dựng Dự án Khu phức hợp công nghiệp công nghệ cao phát triển chuỗi giá trị tôm công suất trên 250.000 tấn tôm thương phẩm/năm ở Kiên Giang, với các khâu cụ thể như sau:

- Phối hợp với Viện Nghiên cứu Minh Phú AquaMekong, CSIRO, và Cargill để nghiên cứu, xây dựng và đào tạo kỹ sư thực hành cũng như công nhân cho vùng nuôi tôm công nghệ cao này;
- Sản xuất con giống có đặc tính di truyền nổi trội: sạch bệnh, lớn nhanh, nhằm cung cấp cho nuôi trồng;
- Sản xuất thức ăn cho tôm với các công nghệ hiện đại nhất: Công nghệ ép đùn, Công nghệ EMS (Smart-shield), Công nghệ tăng cường hệ miễn dịch (Immune booster) và đạm lý tưởng (IP), Công nghệ phần mềm trong quản lý trại tôm lớn (IQUATIC);
- Kết hợp công nghệ cao (công nghệ IoT) vào khâu nuôi trồng nhằm cho ra công suất 250.000 tấn tôm mỗi năm;
- Xây dựng sàn giao dịch tôm đầu tiên tại Việt Nam nhằm thúc đẩy xúc tiến và thương mại;
- Xây dựng nhà máy chế biến Minh Phú Thuận Yên với mô hình tự động hóa và robot hóa vào khâu sản xuất;
- Phối hợp cùng Vietnam Food xử lý toàn bộ phụ phẩm trong Khu phức hợp.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Về cơ cấu tổ chức:

Trong năm qua, Minh Phú thực hiện nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp quản lý, điều hành. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng ban, xếp sắp lại cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty nhằm đạt hiệu quả tốt hơn

Về chính sách và quản lý:

Tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm, và vệ sinh an toàn thực phẩm lên hàng đầu, đẩy mạnh mở rộng thị trường và tăng cường vị thế của tập đoàn trên thị trường xuất khẩu Tôm.

Đào tạo nguồn năng lực chủ chốt, nâng cao nghiệp vụ quản lý và trình độ kỹ thuật cán bộ công ty viên để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2018

- Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất : 800 triệu USD
- Sản lượng sản xuất hợp nhất : 63.000 tấn tôm thành phẩm
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 18.200 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 1100 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 990 tỷ đồng

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Năm 2017, Minh Phú cũng có nhiều thuận lợi trong sản xuất kinh doanh so với các doanh nghiệp cùng ngành khác trong nước. Tuy nhiên do hoạt động chủ yếu là xuất khẩu nên công ty còn phải chịu cạnh tranh từ những nước khác, đặc biệt là Ấn Độ, Indonesia có giá tôm nguyên liệu rẻ hơn Việt Nam rất nhiều nên để cạnh tranh công ty buộc phải giảm biên lợi nhuận lại. Thêm nữa, rào cản thương mại từ các nước nhập khẩu ngày càng tăng khiến cho chi phí sản xuất, bán hàng, kiểm soát chất lượng sản phẩm tăng lên. Những nguyên nhân đó ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Minh Phú.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đánh giá chung về hoạt động của Ban Giám Đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn :

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần/tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới;
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;
- Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đã cố gắng làm tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm; Ban Điều hành cũng thường xuyên đưa ra được những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí;
- Hội đồng quản trị đánh giá cao về năng lực hoạt động của Ban Điều hành Công ty. Ban Điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành, luôn bám sát thực tế, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, do đó, đã điều hành Công ty vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...
- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch	15.961.000	22,8%
2	Ông Chu Văn An	Thành viên, PTGD	1.109.400	1,58%
3	Bà Chu Thị Bình	Thành viên, PTGD	17.475.010	24,96%
4	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên, PTGD	1.965.445	2,81%
5	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên, PTGD	1.100	0,00%
6	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên, PTGD	3.155.000	4,51%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch	4/4	100%
2	Ông Chu Văn An	Thành viên, PTGD	4/4	100%
3	Bà Chu Thị Bình	Thành viên, PTGD	4/4	100%
4	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên, PTGD	4/4	100%
5	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên, PTGD	4/4	100%
6	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên, PTGD	4/4	100%

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục chỉ đạo để duy trì Minh Phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam và của thế giới;
- Chỉ đạo giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh Phú thành thương hiệu mạnh;
- Chỉ đạo xây dựng “Chuỗi giá trị tôm, cá có trách nhiệm Minh Phú” từ nay đến 2025;
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.;
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh sản phẩm xuất khẩu và nội địa đảm bảo hiệu quả, đặc biệt ngoài các chỉ tiêu kinh doanh sản phẩm Minh Phú cần chú trọng phát triển thương hiệu Minh Phú ra toàn cầu đến các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước;

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC):

Giám sát, tư vấn và đưa ra các giải pháp, chiến lược để việc kinh doanh trong năm đạt hiệu quả, không đi chệch mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thu thập thông tin, báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khả thi, tư vấn pháp lý.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	Số nghị quyết hoặc Biên bản	Ngày	Nội dung
01	01/HĐQT.MPC.17	12/01/2017	Tham gia góp vốn thành lập DN xã hội chuỗi tôm rừng Minh Phú
02	2503/QĐ.MPC.17	25/02/2017	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2017
03	81/HĐQT.MPC.17	28/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ của một số công ty con
04	11.BB.HĐQT.2017	11/11/2017	Họp định kỳ quý 4/2017

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Trần Văn Khánh	Thành viên BKS	0	0%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Trần Văn Khánh	Thành viên BKS	4	100%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên BKS	4	100%
3	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS	4	100%

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát toàn diện trên tất cả các mặt như : Chính sách tiền lương, tiền thưởng, tính chấp hành chính sách chế độ về quản lý tài chính , chế độ kế toán nhà nước ban hành. Thực hiện việc đầu tư, kiểm tra việc thực hiện quyền lợi của nhà đầu tư, kiểm soát việc thực hiện các quy chế của công ty.

KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của công ty, giảm thiểu chi phí và định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

STT	Nội dung	Số tiền
1	Hội đồng quản trị	720.000.000
2	Ban kiểm soát	96.000.000
Tổng cộng		816.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, vợ Ông Lê Văn Điệp (Thành viên HĐQT, PTGD) đã mua 3000 cổ phiếu từ ngày 16/10-16/11/2017.

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, vợ Ông Lê Văn Điệp (Thành viên HĐQT, PTGD) đã mua 12.000 cổ phiếu từ ngày 27/12/2007-04/01/2018.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN
MINH PHÚ
Mạc Văn Điệp
Phó Tổng giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 12 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-247/01



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.031.892.276.387	6.633.288.235.809
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.785.115.577.774	1.532.279.347.669
Tiền	111		180.524.327.774	163.224.240.021
Các khoản tương đương tiền	112		1.604.591.250.000	1.369.055.107.648
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		231.236.106.650	493.109.144.438
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(8.613.935.111)	(10.045.101.535)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	225.038.932.350	488.343.136.562
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.913.341.914.340	1.323.538.429.976
Phải thu của khách hàng	131	7	1.797.225.655.844	1.133.057.069.435
Trả trước cho người bán	132		37.016.652.116	55.689.695.377
Phải thu về cho vay	135	8	44.000.000.000	54.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	37.063.145.917	82.755.204.701
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(1.963.539.537)	(1.963.539.537)
Hàng tồn kho	140	11	4.073.199.229.344	3.220.430.550.915
Hàng tồn kho	141		4.101.475.749.558	3.248.000.296.472
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.276.520.214)	(27.569.745.557)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.999.448.279	63.930.762.811
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.973.095.406	1.504.521.290
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.782.851.990	38.226.993.880
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	18(b)	9.243.500.883	24.199.247.641

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.478.394.377.372	1.556.527.182.793
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.605.161.928	14.679.129.385
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	14.605.161.928	14.679.129.385
Tài sản cố định	220		978.811.612.445	1.155.868.294.915
Tài sản cố định hữu hình	221	12	919.358.028.497	1.012.399.861.022
Nguyên giá	222		2.087.248.831.678	2.023.290.962.863
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.167.890.803.181)	(1.010.891.101.841)
Tài sản cố định vô hình	227	13	59.453.583.948	143.468.433.893
Nguyên giá	228		71.253.107.385	160.022.278.537
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.799.523.437)	(16.553.844.644)
Tài sản dở dang dài hạn	240		157.518.936.138	160.575.227.654
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	157.518.936.138	160.575.227.654
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		121.167.019.076	108.900.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	101.667.019.076	101.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	12.500.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		206.291.647.785	116.504.530.839
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	174.659.711.634	83.453.964.843
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	30.344.896.465	28.674.630.610
Lợi thế thương mại	269	17	1.287.039.686	4.375.935.386
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.510.286.653.759	8.189.815.418.602

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.518.661.625.096	5.896.844.057.892
Nợ ngắn hạn	310		4.411.280.651.253	2.353.310.726.812
Phải trả người bán	311		656.213.732.042	291.573.675.393
Người mua trả tiền trước	312		20.156.483.977	8.632.646.619
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	18(a)	33.539.904.002	2.849.276.515
Phải trả người lao động	314		88.722.496.835	89.621.450.872
Chi phí phải trả	315		944.624.935	679.624.807
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	76.110.288.683	83.943.363.138
Vay ngắn hạn	320	21(a)	3.475.843.624.232	1.822.624.002.211
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	23	59.749.496.547	53.386.687.257
Nợ dài hạn	330		2.107.380.973.843	3.543.533.331.080
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	37.736.977.305	39.038.252.385
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	6.836.856.000	6.776.856.000
Trái phiếu	338	21(b)	2.042.916.666.687	3.475.916.666.679
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	19.890.473.851	19.394.426.038
Dự phòng dài hạn	342	22	-	2.407.129.978
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.991.625.028.663	2.292.971.360.710
Vốn chủ sở hữu	410	24	2.991.625.028.663	2.292.971.360.710
Vốn cổ phần	411	25	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	24	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	24	125.543.277.919	126.455.519.008
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	54.374.900.005	32.244.098.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.452.263.283.294	845.897.804.857
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		561.728.789.070	490.659.160.373
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.510.286.653.759	8.189.815.418.602

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Le Văn Diệp
Phó Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	15.767.101.730.018	12.064.285.911.553
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	101.816.730.781	90.872.371.891
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	15.665.284.999.237	11.973.413.539.662
Giá vốn hàng bán	11	29	13.801.135.627.286	10.990.617.465.233
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.864.149.371.951	982.796.074.429
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	142.113.369.593	141.658.188.222
Chi phí tài chính	22	31	280.049.253.163	310.702.276.587
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		180.875.770.671	218.817.940.952
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		232.980.924	-
Chi phí bán hàng	25	32	772.186.424.083	638.209.772.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	161.850.564.772	150.800.562.576
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - (25 + 26)}	30		791.943.518.602	24.741.651.283
Thu nhập khác	31	34	3.624.897.650	78.709.686.820
Chi phí khác	32	35	3.368.196.325	2.571.621.875
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		256.701.325	76.138.064.945
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		792.200.219.927	100.879.716.228
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	79.211.363.515	15.179.111.523
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(1.174.218.042)	3.809.503.851
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		714.163.074.454	81.891.100.854

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (được chuyển từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		714.163.074.454	81.891.100.854
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		639.019.613.866	72.084.426.856
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		75.143.460.588	9.806.673.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	9.254	1.053

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

(Chữ ký)

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

(Chữ ký)

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	792.200.219.927	100.879.716.228
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	165.302.178.984	186.666.565.275
Các khoản dự phòng	03	(707.991.767)	(11.341.610.924)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.915.618.988)	(6.189.174.677)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(87.814.406)	(302.901.481)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05	(1.301.275.080)	(174.449.010)
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05	-	830.681.061
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05	(92.186.176.242)	(97.259.779.492)
Phần lỗ trong công ty liên kết	05	232.980.924	-
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	187.875.770.679	225.817.940.960
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.048.412.274.031	398.926.987.940
Biến động các khoản phải thu	09	(564.704.413.252)	66.166.131.696
Biến động hàng tồn kho	10	(856.766.130.859)	1.120.736.967.018
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	371.198.953.296	5.350.370.649
Biến động chi phí trả trước	12	5.832.079.947	4.392.697.952
		3.972.763.163	1.595.573.155.255
Tiền lãi vay đã trả	14	(189.420.314.330)	(217.522.188.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.756.729.716)	(33.168.442.631)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.567.654.209)	(77.417.992.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(228.771.935.092)	1.267.464.532.147

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(82.122.386.776)	(22.939.730.803)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	427.272.727	1.712.727.272
Tiền chi cho công ty liên kết vay	23	-	(54.000.000.000)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(209.805.066.560)	(819.704.996.315)
Tiền thu từ tiền có kỳ hạn	24	465.600.000.000	1.219.000.000.000
Tiền thu từ cho người lao động vay	24	1.643.478.552	1.538.400.000
Tiền thu hồi cho vay	24	10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào trái phiếu	25	(5.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	89.622.331.949	98.585.523.054
Tiền thu từ thanh lý công ty con	28	-	33.000.000.000
Tiền thu từ thanh lý công ty liên kết	28	-	7.009.600.000
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	270.365.629.892	464.201.523.208
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay nhận được	33	15.336.837.302.041	9.811.194.654.378
Tiền chi trả nợ gốc vay và mua lại trái phiếu	34	(15.121.605.870.913)	(10.887.460.095.024)
Tiền trả cổ tức	35	(5.020.368.405)	(2.518.284.673)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	210.211.062.723	(1.078.783.725.319)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		251.804.757.523	652.882.330.036
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.532.279.347.669	864.823.486.140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		1.031.472.582	14.573.531.493
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.785.115.577.774	1.532.279.347.669

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Lưu Minh Trung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
 Phó Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là MPC.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con, như được liệt kê trong Thuyết minh 1(d) dưới đây, (gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 13 công ty con (1/1/2017: 12 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	67,5%	67,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con	Hoạt động chính	% lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (*)	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (**)	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100%	100%
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (*)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	83,7%	83,7%
Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú (**)	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.	45,5%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ các lợi ích kinh tế thực tế của Công ty trong các công ty con mà Công ty sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

(*) Ngày 8 tháng 8 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp số 81/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm vốn pháp định được duyệt của Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú từ 40,8 tỷ VND xuống 2 tỷ VND, tăng vốn pháp định được duyệt của Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang và Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An lần lượt từ 153,9 tỷ VND lên 220 tỷ VND và từ 151 tỷ VND lên 180 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn cho các công ty con này.

(**) Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú, tại tỉnh Cà Mau với số vốn pháp định được duyệt là 18 tỷ VND. Công ty nắm giữ trực tiếp 25,00% lợi ích của đơn vị này và nắm giữ gián tiếp 25,00% lợi ích của đơn vị này qua các công ty con. Hoạt động chính của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú là nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.

Ngày 9 tháng 8 năm 2017, căn cứ vào giấy thoả thuận giữa các bên góp vốn, vốn pháp định của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú được điều chỉnh giảm từ 18 tỷ VND xuống 9,9 tỷ VND và việc điều chỉnh giảm vốn này làm thay đổi cơ cấu vốn góp của công ty này. Theo đó, Công ty nắm giữ trực tiếp 25,25% lợi ích của đơn vị này và nắm giữ gián tiếp 20,20% lợi ích của đơn vị này qua các công ty con. Các cổ đông còn lại là ông Lê Văn Quang và bà Lê Thị Dịu Minh lần lượt sở hữu 39,40% và 15,15% vốn góp của đơn vị này.

Công ty phân loại khoản đầu tư vào Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú là khoản đầu tư vào công ty con do ông Lê Văn Quang và bà Lê Thị Dịu Minh đã ủy quyền cho Công ty thay mặt các cổ đông này có quyền biểu quyết tại đơn vị.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty và những cổ đông khác chưa góp đủ vốn điều lệ cho công ty con này.

Công ty Cổ phần Mseafood được đăng ký thành lập ở bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Công ty TNHH Kho vận Ebisumo được đăng ký thành lập ở Nhật. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập ở Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty liên kết) chi tiết trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 12.745 nhân viên (1/1/2017: 12.477 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác, mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 43 năm đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng, máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí liên quan đến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa hoàn tất. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi Tập đoàn mua lại cổ phiếu đã được phát hành trước đây, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Bộ phận kinh doanh khác

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	10.080.000	8.803.643.437.741	6.790.355.279.813	71.276.201.683	-	15.665.284.999.237
Doanh thu giữa các bộ phận	921.883.711.359	7.190.920.831.575	5.217.810.431.353	165.578.005.495	(13.496.192.979.782)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	921.893.791.359	15.994.564.269.316	12.008.165.711.166	236.854.207.178	(13.496.192.979.782)	15.665.284.999.237
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(36.845.866.788)	734.660.514.828	214.114.863.993	28.694.337.196	(10.511.466.133)	930.112.383.096
Doanh thu hoạt động tài chính						142.113.369.593
Chi phí tài chính						(280.049.253.163)
Phần lỗ trong công ty liên kết						(232.980.924)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						791.943.518.602
Thu nhập khác						3.624.897.650
Chi phí khác						(3.368.196.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(78.037.145.473)
Lợi nhuận thuần sau thuế						714.163.074.454

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.184.655.500	6.704.217.677.968	5.201.974.245.143	64.036.961.051	-	11.973.413.539.662
Doanh thu giữa các bộ phận	87.002.428.525	5.244.106.656.219	2.556.249.464.028	82.098.953.380	(7.969.457.502.152)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	90.187.084.025	11.948.324.334.187	7.758.223.709.171	146.135.914.431	(7.969.457.502.152)	11.973.413.539.662
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(84.190.945.350)	290.717.272.192	817.593.283	(318.548.121)	(13.239.632.356)	193.785.739.648

Doanh thu hoạt động tài chính
 Chi phí tài chính

141.658.188.222
 (310.702.276.587)

Kết quả từ hoạt động kinh doanh
 Thu nhập khác
 Chi phí khác
 Thuế thu nhập doanh nghiệp

24.741.651.283
 78.709.686.820
 (2.571.621.875)
 (18.988.615.374)

Lợi nhuận thuần sau thuế

81.891.100.854

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo vốn chủ sở hữu	199.032.512.122	8.145.096.569.740	5.601.107.124.927	239.994.757.316	(4.776.611.329.422)	9.408.619.634.683
Tổng tài sản	256.761.652.338	5.360.268.721.739	4.238.888.941.941	30.786.979.634	(3.368.044.670.556)	6.518.661.625.096

Tổng nợ phải trả

101.667.019.076

**Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Chi tiêu vốn	49.016.000	63.843.848.759	15.347.024.272	1.691.517.627	-	80.931.406.658
Khấu hao và phân bổ	15.493.872.743	93.415.171.275	48.827.925.274	4.476.313.992	3.088.895.700	165.302.178.984

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo vốn chủ sở hữu	224.960.483.892	7.369.873.187.575	3.328.332.158.127	200.748.998.296	(3.042.999.409.288)	8.080.915.418.602
Tổng tài sản						8.189.815.418.602
Nợ phải trả của bộ phận	250.722.326.348	5.060.272.160.989	2.209.477.500.974	25.938.703.140	(1.649.566.633.559)	5.896.844.057.892
Tổng nợ phải trả						5.896.844.057.892
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Chi tiêu vốn	581.023.267	17.109.669.954	4.941.294.323	307.743.259	-	22.939.730.803
Khấu hao và phân bổ	20.759.798.994	129.754.916.767	28.089.134.501	4.973.819.313	3.088.895.700	186.666.565.275

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2017 VND	2016 VND
Việt Nam	103.719.797.779	69.768.129.691
Bắc Mỹ	7.443.990.655.443	5.924.015.256.229
Châu Âu	1.080.549.186.084	1.027.955.917.877
Nhật Bản	3.624.793.042.248	2.484.827.426.704
Hàn Quốc	1.247.584.725.209	890.885.706.045
Các vùng địa lý khác	2.164.647.592.474	1.575.961.103.116
	15.665.284.999.237	11.973.413.539.662

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Việt Nam	7.035.314.593.750	6.456.274.478.810
Bắc Mỹ	2.296.142.331.840	1.730.334.403.312
Nhật Bản	178.829.728.169	3.206.536.480
	9.510.286.653.759	8.189.815.418.602

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	2.398.594.984	5.272.364.100
Tiền gửi ngân hàng	178.125.732.790	157.951.875.921
Các khoản tương đương tiền	1.604.591.250.000	1.369.055.107.648
	1.785.115.577.774	1.532.279.347.669

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn:				
▪ Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	171.578	6.004.500.000	3.337.192.100	(3.439.408.900)
▪ Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty cổ phần cơ điện lạnh mới Kim Tự Tháp Việt Nam	19	80.000	810.350	-
▪ Công ty cổ phần công nghệ nung chảy Văn Điển	18.823	272.941.176	188.230.000	(84.711.176)
▪ Công ty cổ phần Phân lân	163.646	3.270.588.235	1.832.835.200	(946.815.035)
		14.811.109.411	6.479.067.650	(8.613.935.111)
			14.811.109.411	5.462.576.520
				(10.045.101.535)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	10.045.101.535	8.378.460.000
Tăng dự phòng trong năm	84.711.176	1.666.641.535
Hoàn nhập	(1.515.877.600)	-
Số dư cuối năm	8.613.935.111	10.045.101.535

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	225.038.932.350	488.343.136.562
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	-
Trái phiếu ngân hàng	5.000.000.000	-
	12.500.000.000	-

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,5% đến 6,8% trong năm (2016: từ 4,5% đến 7,6% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, 92.000 triệu VND (1/1/2017: không) tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)).

Trái phiếu ngân hàng bao gồm các trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017. Các trái phiếu này sẽ đến hạn hoàn trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2036. Các trái phiếu này hưởng lãi suất dao động từ 7,7% đến 7,8% trong năm (2016: Không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Địa chỉ	% sở hữu	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Công ty liên kết					
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	5.366.085.249	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	96.300.933.827	(*)
				<u>101.667.019.076</u>	
Các công ty khác					
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau (“Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(*)
				<u>108.667.019.076</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Địa chỉ	% sở hữu	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Công ty liên kết					
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(*)
				<u>101.900.000.000</u>	
Các công ty khác					
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(*)
				<u>108.900.000.000</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	101.900.000.000
Lỗ phải chia từ các công ty liên kết	(232.980.924)
Số dư cuối năm	101.667.019.076

Trong năm không có biến động về đầu tư góp vốn vào các công ty khác.

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Aqua Star	278.466.886.020	114.641.990.962
Censea Inc.	182.859.648.240	182.288.366.943
Kailis Bros PTY Ltd.	160.023.489.936	81.337.335.851
H.T.Foods Pvt Ltd.	17.315.584.011	127.870.426.591
Các khách hàng khác	1.158.560.047.637	626.918.949.088
	1.797.225.655.844	1.133.057.069.435

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	24.000.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không được hưởng lãi và có thể được thu hồi theo yêu cầu.

Phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 992.884 triệu VND (1/1/2017: 495.811 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Các khoản phải thu khách hàng này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Mekong Logistics vay, một công ty liên kết. Khoản vay này không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 7% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7%) và có thể thu được trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

Biến động các khoản phải thu về cho vay trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	54.000.000.000	-
Tăng trong năm	-	54.000.000.000
Thu hồi trong năm	(10.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	44.000.000.000	54.000.000.000

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	15.293.961.649	12.730.117.356
Ký quỹ ngắn hạn (*)	5.065.897.971	53.711.852.950
Tạm ứng cho nhân viên	4.681.634.510	2.776.993.012
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	3.505.044.890	3.644.866.628
Cho người lao động vay (**)	1.118.483.357	2.761.961.909
Phải thu khác	7.398.123.540	7.129.412.846
	37.063.145.917	82.755.204.701

(*) Khoản này bao gồm khoản ký quỹ ngắn hạn 4.542 triệu VND tại ngân hàng nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ này không được hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng một năm.

(**) Khoản này phản ánh khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không được hưởng lãi và có thể được thu hồi khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Thuế chống bán phá giá (*)	7.298.653.350	7.372.620.807
Tạm ứng cho người nuôi tôm (**)	7.306.508.578	7.306.508.578
	<u>14.605.161.928</u>	<u>14.679.129.385</u>

(*) Khoản này phản ánh khoản trả trước thuế chống bán phá giá. Trước ngày 18 tháng 7 năm 2016, theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), là một công ty con chuyên nhập khẩu tôm từ Tập đoàn vào Hoa Kỳ, phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định rà soát hành chính thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Ngày 18 tháng 7 năm 2016, DOC đã ban hành quyết định nhằm thực thi thỏa thuận song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam nhằm giải quyết tranh chấp về vụ kiện chống bán phá giá tôm tại Tổ chức Thương mại Thế giới. Theo đó, Tập đoàn sẽ được dỡ bỏ lệnh áp thuế chống bán phá giá kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2016. Thêm vào đó, các vấn đề liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá đã được giải quyết, khoản trả trước thuế chống bán phá giá sẽ được hoàn trả cho Tập đoàn.

(**) Khoản này phản ánh khoản tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không được hưởng lãi và có thể được thu hồi trong vòng 4 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	4 – 5 năm	982.302.147	-	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến Thủy sản Mò Ó Sóc Trăng	4 – 5 năm	771.913.390	-	771.913.390
Công ty TNHH Thanh Bình	4 – 5 năm	209.324.000	-	209.324.000
		<u>1.963.539.537</u>	<u>-</u>	<u>1.963.539.537</u>
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				<u>1.963.539.537</u>

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	560.345.768.301	-	78.104.217.404	-
Nguyên vật liệu	123.769.644.705	-	98.875.014.292	-
Công cụ và dụng cụ	5.319.462.912	-	5.662.179.015	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.083.693.782	-	35.175.086.812	-
Thành phẩm	3.367.957.179.858	(28.276.520.214)	3.030.183.798.949	(27.569.745.557)
	4.101.475.749.558	(28.276.520.214)	3.248.000.296.472	(27.569.745.557)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	27.569.745.557	40.307.098.016
Tăng dự phòng trong năm	14.238.101.185	1.401.557.628
Hoàn nhập	(13.514.926.528)	(14.409.810.087)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(16.400.000)	270.900.000
Số dư cuối năm	28.276.520.214	27.569.745.557

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.397.536 triệu VND (1/1/2017: 2.094.521 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Hàng tồn kho này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 237.360 triệu VND (1/1/2017: 384.603 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	732.678.258.354	1.117.627.877.672	152.427.792.484	20.557.034.353	2.023.290.962.863
Tăng trong năm	916.728.727	55.374.988.291	4.798.196.910	239.649.091	61.329.563.019
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	-	-	4.456.000.000	-	4.456.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(22.697.805)	-	(1.803.818.182)	(1.178.217)	(1.803.818.182)
Số dư cuối năm	733.572.289.276	1.173.002.865.963	159.878.171.212	20.795.505.227	2.087.248.831.678
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	268.158.707.798	643.496.768.225	86.522.239.809	12.713.386.009	1.010.891.101.841
Khấu hao trong năm	29.060.573.665	111.842.635.361	15.504.449.070	2.063.413.908	158.471.072.004
Thanh lý	-	-	(1.464.359.861)	-	(1.464.359.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.832.586)	-	-	(1.178.217)	(7.010.803)
Số dư cuối năm	297.213.448.877	755.339.403.586	100.562.329.018	14.775.621.700	1.167.890.803.181
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	464.519.550.556	474.131.109.447	65.905.552.675	7.843.648.344	1.012.399.861.022
Số dư cuối năm	436.358.840.399	417.663.462.377	59.315.842.194	6.019.883.527	919.358.028.497

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 258.509 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 171.070 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 391.465 triệu VND (1/1/2017: 260.550 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Các tài sản cố định hữu hình này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	18.948.576.507	110.923.425.700	30.150.276.330	160.022.278.537
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(88.742.326.115)	-	(88.742.326.115)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(26.845.037)	-	-	(26.845.037)
Số dư cuối năm	18.921.731.470	22.181.099.585	30.150.276.330	71.253.107.385
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	11.941.905.291	4.611.939.353	16.553.844.644
Khấu hao trong năm	-	1.300.967.027	2.441.244.253	3.742.211.280
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(8.496.532.487)	-	(8.496.532.487)
Số dư cuối năm	-	4.746.339.831	7.053.183.606	11.799.523.437
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18.948.576.507	98.981.520.409	25.538.336.977	143.468.433.893
Số dư cuối năm	18.921.731.470	17.434.759.754	23.097.092.724	59.453.583.948

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 3.016 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 3.016 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 2.050 triệu VND (1/1/2017: 49.885 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Các tài sản cố định vô hình này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	160.575.227.654	145.000.706.037
Tăng trong năm	19.671.843.638	5.849.660.909
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.456.000.000)	(952.785.455)
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(18.272.135.154)	11.508.327.224
Xóa sổ	-	(830.681.061)
Số dư cuối năm	157.518.936.138	160.575.227.654
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà cửa	35.183.516.705	46.277.428.222
Quyền sử dụng đất	122.180.992.565	96.921.187.244
Máy móc	-	6.660.994.364
Các công trình khác	154.426.868	10.715.617.824
Số dư cuối năm	157.518.936.138	160.575.227.654

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	45.641.645.219	37.812.319.624	83.453.964.843
Tăng trong năm	1.154.364.779	33.029.833.828	34.184.198.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.272.135.154	-	18.272.135.154
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	80.245.793.628	-	80.245.793.628
Phân bổ trong năm	(3.169.480.152)	(38.326.900.446)	(41.496.380.598)
Số dư cuối năm	142.144.458.628	32.515.253.006	174.659.711.634

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 46.650 triệu VND (1/1/2017: 54 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21 (a)). Các chi phí trả trước dài hạn này đồng thời cũng được dùng để đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	13.309.334.353	10.615.753.450
Các khoản dự phòng	29.439.883	29.439.883
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	7.565.100.477	8.588.415.525
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	9.441.021.752	9.441.021.752
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.344.896.465	28.674.630.610
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	(17.890.029.536)	(17.801.645.998)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(2.000.444.315)	(1.592.780.040)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(19.890.473.851)	(19.394.426.038)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	10.454.422.614	9.280.204.572

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	26.513.021.614
Phân bổ trong năm	3.088.895.700
Số dư cuối năm	29.601.917.314
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.375.935.386
Số dư cuối năm	1.287.039.686

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	887.066.076	159.884.288.513	(44.824.768.932)	(114.711.026.892)	-	1.235.558.765
Thuế xuất nhập khẩu	7.837.060	182.683.354	(204.915.711)	14.115.402	279.895	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.161.687.924	79.211.363.515	(36.756.729.716)	(12.208.353.422)	-	31.407.968.301
Thuế thu nhập cá nhân	791.245.455	7.576.225.704	(7.650.972.242)	145.182.299	-	861.681.216
Thuế khác	1.440.000	469.716.966	(436.362.446)	-	(98.800)	34.695.720
	2.849.276.515	247.324.278.052	(89.873.749.047)	(126.760.082.613)	181.095	33.539.904.002

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp VND	Số đã được hoàn lại VND	Cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.393.762.239	-	-	(12.208.353.422)	(17.047.446)	6.168.361.371
Thuế xuất nhập khẩu	5.211.890.866	285.483.955	(2.597.524.199)	14.115.402	(139.068)	2.913.826.956
Thuế thu nhập cá nhân	593.594.536	37.167.310	(614.631.589)	145.182.299	-	161.312.556
	24.199.247.641	322.651.265	(3.212.155.788)	(12.049.055.721)	(17.186.514)	9.243.500.883

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn phản ánh khoản lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết. Biến động của doanh thu chưa thực hiện dài hạn được phân bổ vào thu nhập khác trong năm (Thuyết minh 34).

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	20.548.736.976	29.093.280.635
Cổ tức phải trả	2.619.368.300	3.659.368.300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	5.154.010.250	6.446.980.635
Tiền thuê đất phải trả	3.451.759.324	3.717.279.272
Tạm ứng từ một bên thứ ba (*)	31.459.084.500	31.514.421.500
Phải trả khác	12.877.329.333	9.512.032.796
	<u>76.110.288.683</u>	<u>83.943.363.138</u>

(*) Khoản này phản ánh tạm ứng tiền mặt nhận được từ một bên thứ ba theo thỏa thuận hợp tác liên doanh để nuôi trồng và kinh doanh thủy sản.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	6.836.856.000	6.776.856.000

Các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	31/12/2017 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.822.624.002.211	Tăng VND 15.336.837.302.041 Giảm VND (13.681.605.870.913) Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND (2.011.809.107)	3.475.843.624.232

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
		2017	2016		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	1,5% - 2,0%	1,5%	1.469.201.913.706	509.452.670.714
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,2%	1,5%	974.028.399.706	599.337.540.834
Khoản vay 3	USD	2,0%	-	55.661.639.210	-
Khoản vay 4	USD	1,5%	1,5%	-	10.505.069.491
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	2,0% - 3,0%	1,5% - 1,8%	407.618.902.877	320.099.032.139
Khoản vay 2	VND	4,7% - 5,0%	4,7% - 5,0%	270.377.089.221	198.929.054.610
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	2,0% - 2,4%	-	294.413.679.512	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	2,0%	1,5%	-	48.071.657.197
Khoản vay 2	USD	1,5%	1,5%	-	82.764.127.226
Ngân hàng Citibank – Bắc Mỹ (*)	USD	0%	0%	4.542.000.000	53.464.850.000
				3.475.843.624.232	1.822.624.002.211

Khoản vay này thể hiện khoản vay ngân hàng nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Mseafood – một công ty con. Khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi và chịu phí mở tín dụng thương mại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6(b))	92.000.000.000	-
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	992.884.331.847	495.810.528.720
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	2.397.535.959.251	2.094.520.965.407
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	391.462.563.220	260.550.385.772
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	2.050.211.480	49.885.042.836
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	46.650.281.381	54.353.333
	3.922.583.347.179	2.900.821.276.068

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn này đồng thời cũng được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

(b) Trái phiếu

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)		Số lượng		Ngày đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
		2017	2016	2017	2016			
Lô 1 (*)	VND	7,50%	7,50%	500	1.500	20/5/2020	492.750.000.005	1.489.750.000.003
Lô 2 (*)	VND	7,50%	7,50%	1.000	1.000	11/6/2020	995.166.666.672	993.166.666.670
Lô 3 (**)	VND	7,50%	7,50%	560	1.000	30/7/2020	555.000.000.010	993.000.000.006
							2.042.916.666.687	3.475.916.666.679

Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trái phiếu doanh nghiệp MPC_BOND2015 không chuyển đổi với kỳ hạn 5 năm, có mệnh giá là 1 tỷ VND/một trái phiếu và được đảm bảo bổ sung bằng các khoản đầu tư của Công ty vào tám (8) công ty con và công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 450.397 triệu VND (1/1/2017: 482.895 triệu VND) và các tài sản khác của Tập đoàn với giá trị ghi sổ được trình bày như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	298.162.938.506	157.472.420.002
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	1.160.595.579.077	896.738.000.000
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	91.689.756.338	92.956.051.780
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	2.050.211.480	2.113.042.836
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	-	54.353.333
	<u>1.552.498.485.401</u>	<u>1.149.333.867.951</u>

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn này cũng đồng thời được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn như được trình bày ở Thuyết minh 21(a).

- (**) Trái phiếu doanh nghiệp MPHG_BOND2015 không chuyển đổi với kỳ hạn 5 năm, có mệnh giá là 1 tỷ VND/một trái phiếu và được đảm bảo bổ sung bằng khoản đầu tư vào công ty con của Công ty với giá trị ghi sổ là 99.000 triệu VND (1/1/2017: 99.000 triệu VND) và các tài sản sau đây:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	694.721.393.341	338.338.108.718
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	1.236.940.380.174	1.197.782.965.407
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	299.772.806.882	167.594.333.992
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	-	47.772.000.000
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))	46.650.281.381	-
	<u>2.278.084.861.778</u>	<u>1.751.487.408.117</u>

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn này cũng đồng thời được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn như được trình bày ở Thuyết minh 21(a).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (***) Biến động của trái phiếu doanh nghiệp trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu kỳ	3.475.916.666.679	3.968.916.666.671
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	7.000.000.008	7.000.000.008
Mua lại trái phiếu (***)	(1.440.000.000.000)	(500.000.000.000)
	<u>2.042.916.666.687</u>	<u>3.475.916.666.679</u>

- (****) Trong năm, Tập đoàn đã mua lại trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành với tổng mệnh giá là 1.440 tỷ VND trước ngày đến hạn hoàn trả của trái phiếu. Không có chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua lại trái phiếu này.

22. Dự phòng dài hạn

Dự phòng dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.407.129.978	2.737.632.692
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.019.253.112)	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(387.876.866)	(330.502.714)
	<u>-</u>	<u>2.407.129.978</u>

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	53.386.687.257	88.371.069.916
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	5.442.355.905	-
Sử dụng trong năm	(1.098.799.727)	(34.984.382.659)
Chuyển từ dự phòng trợ cấp thôi việc	2.019.253.112	-
	<u>59.749.496.547</u>	<u>53.386.687.257</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	72.084.426.856	9.806.673.998	81.891.100.854
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	598.454.543	(598.454.543)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.797.913.682)	(1.797.913.682)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(42.433.609.710)	-	-	(42.433.609.710)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	10.599.178.188	-	-	1.152.627.728	11.751.805.916
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	126.455.519.008	32.244.098.097	845.897.804.857	490.659.160.373	2.292.971.360.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	639.019.613.866	75.143.460.588	714.163.074.454
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	27.211.779.524	(27.211.779.524)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.442.355.905)	-	(5.442.355.905)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.980.368.405)	(3.980.368.405)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(5.080.977.616)	-	-	(5.080.977.616)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(912.241.089)	-	-	(93.463.486)	(1.005.704.575)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	125.543.277.919	54.374.900.005	1.452.263.283.294	561.728.789.070	2.991.625.028.663

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	7.390.354.705	7.852.338.114
Trong vòng hai đến năm năm	3.568.185.000	9.773.894.066
Sau năm năm	4.564.986.301	-
	15.523.526.006	17.626.232.180

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.497.394	79.555.626.089	4.255.908	96.825.836.897
JPY	371.493.573	74.695.478.094	243.756.401	47.776.254.596
		<u>154.251.104.183</u>		<u>144.602.091.493</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.838.190.406	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.151.381.920	82.654.668.761
	<u>76.989.572.326</u>	<u>82.654.668.761</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	13.656.892.624.518	10.667.162.038.506
▪ Hàng hóa đã bán	2.066.074.968.370	1.369.679.644.247
▪ Phế liệu đã bán	24.054.173.926	22.919.432.379
▪ Doanh thu khác	20.079.963.204	4.524.796.421
	<u>15.767.101.730.018</u>	<u>12.064.285.911.553</u>
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	2.723.688.776	1.439.810.080
▪ Hàng bán bị trả lại	99.093.042.005	89.432.561.811
	<u>101.816.730.781</u>	<u>90.872.371.891</u>
Doanh thu thuần	<u>15.665.284.999.237</u>	<u>11.973.413.539.662</u>

29. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn hàng bán	13.800.412.452.629	11.003.354.817.692
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	723.174.657	(12.737.352.459)
	<u>13.801.135.627.286</u>	<u>10.990.617.465.233</u>

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	91.850.921.842	96.990.226.492
Cổ tức	335.254.400	269.553.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	44.937.560.547	37.354.509.507
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.944.735.222	7.043.899.223
Doanh thu tài chính khác	2.044.897.582	-
	<u>142.113.369.593</u>	<u>141.658.188.222</u>

31. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	180.875.770.671	218.817.940.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	93.554.635.690	82.342.623.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	29.116.234	854.724.546
Chi phí phát hành trái phiếu	7.000.000.008	7.000.000.008
Tặng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.431.166.424)	1.666.641.535
Chi phí tài chính khác	20.896.984	20.346.477
	<u>280.049.253.163</u>	<u>310.702.276.587</u>

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí vận chuyển	344.609.224.078	254.174.972.822
Chi phí thuê kho	158.459.401.685	121.885.335.079
Phí hoa hồng	171.184.546.294	147.332.938.248
Chi phí nhân viên	42.043.351.429	42.937.773.237
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.765.183.586	2.368.500.799
Chi phí nguyên vật liệu	2.391.612.734	1.325.985.144
Chi phí khấu hao	806.439.116	785.187.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.815.788.582	38.859.249.203
Chi phí bán hàng khác	27.110.876.579	28.539.830.216
	<u>772.186.424.083</u>	<u>638.209.772.205</u>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	81.232.248.942	65.849.580.759
Phí ngân hàng	10.250.498.512	6.311.973.129
Chi phí dụng cụ văn phòng	4.251.660.230	4.943.915.969
Chi phí khấu hao	9.166.825.239	18.098.682.062
Phí và lệ phí	454.378.391	1.134.712.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.248.919.626	28.151.771.506
Chi phí khác	29.246.033.832	26.309.926.926
	<u>161.850.564.772</u>	<u>150.800.562.576</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	343.314.408	336.319.577
Giảm thuế chống bán phá giá	-	67.923.647.745
Tiền bồi thường nhận được	189.159.675	10.275.270.488
Phân bổ lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết (Thuyết minh 19)	1.301.275.080	174.449.010
Thu nhập khác	1.791.148.487	-
	<u>3.624.897.650</u>	<u>78.709.686.820</u>

35. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	255.500.002	33.418.096
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	-	830.681.061
Các khoản phạt	1.220.918.433	1.000.000
Chi phí khác	1.891.777.890	1.706.522.718
	<u>3.368.196.325</u>	<u>2.571.621.875</u>

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.926.645.307.020	8.025.391.373.945
Chi phí nhân công và nhân viên	1.296.454.066.175	1.023.846.612.164
Chi phí khấu hao và phân bổ	165.302.178.984	186.666.565.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.332.604.572	964.919.552.569
Chi phí khác	320.728.170.522	278.754.655.321

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	75.827.886.534	14.904.703.403
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.383.476.981	274.408.120
	<u>79.211.363.515</u>	<u>15.179.111.523</u>
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(1.174.218.042)	3.809.503.851
	<u>78.037.145.473</u>	<u>18.988.615.374</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	792.200.219.927	100.879.716.228
Thuế theo thuế suất của Công ty	79.220.021.993	10.087.971.623
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.227.726.857	648.727.603
Ưu đãi thuế	(22.831.670.337)	(8.535.656.155)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	4.254.758.044	9.519.807.464
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	10.860.860.365	6.993.356.719
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	8.484.390.410	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.383.476.981	274.408.120
Thu nhập không chịu thuế	(971.688.460)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(5.590.730.380)	-
	<u>78.037.145.473</u>	<u>18.988.615.374</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.395.919.217	119.795.960	1.401.557.628	70.077.881
Lỗ tính thuế	321.110.898.464	38.429.059.711	414.976.395.076	49.418.008.841
	323.506.817.681	38.548.855.671	416.377.952.704	49.488.086.722

Lỗ tính thuế bao gồm lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty. Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2018	Chưa quyết toán	85.660.992.373
2019	Chưa quyết toán	19.305.217.302
2020	Chưa quyết toán	84.342.398.435
2021	Chưa quyết toán	93.604.643.919
2022	Chưa quyết toán	38.197.646.435
		321.110.898.464

Trong năm, lỗ tính thuế có giá trị là 76.224.015.118 VND đã hết hiệu lực.

Theo quy định hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con của Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, thu nhập từ các hoạt động chế biến hải sản được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 9 năm liên tiếp. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (“Ebisumo”)

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: tại mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (“Thực phẩm Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Thực phẩm Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi Tôm Rừng”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Chuỗi Tôm Rừng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	639.019.613.866	72.084.426.856
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(5.442.355.905)	-
	<hr/>	<hr/>
	633.577.257.961	72.084.426.856

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	68.462.850	68.462.850
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	<hr/>	<hr/>
	68.462.850	68.462.850

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.254	1.053

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cho công ty liên kết vay	-	54.000.000.000
Mua dịch vụ từ công ty liên kết	29.832.620.490	2.590.410.240
Thu nhập lãi từ cho vay	711.666.667	-
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng của cổ đông	2.371.041.223	1.829.200.255

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương thưởng và phụ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lương thưởng và phụ cấp	18.261.212.393	16.724.398.094

40. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

	2017 VND	2016 VND
Nguyên giá của tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán trong năm	7.035.867.739	8.156.847.858

41. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 9 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã phê duyệt các vấn đề sau:

(a) Niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết ("Upcom") với mã giao dịch là MPC. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 9 tháng 3 năm 2018 đã thông qua kế hoạch huỷ giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Upcom và thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh trong năm 2018.

(b) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 1:1 từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối theo báo cáo tài chính riêng được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 1.384.628.500.000 VND.

(c) Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ chủ chốt của Công ty

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ chủ chốt của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 1.537.150 cổ phiếu, tương ứng với tổng mệnh giá phát hành là 15.271.500.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 1.400 tỷ VND.

(d) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 60.000 cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến là 600 tỷ VND cho nhà đầu tư riêng lẻ. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 2.000 tỷ VND.

(e) Đầu tư mở rộng nhà máy Minh Phú Cà Mau

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua dự án đầu tư mở rộng nhà máy Minh Phú Cà Mau với tổng vốn đầu tư xây dựng mở rộng dự kiến là 1.000 tỷ VND với thời gian xây dựng dự kiến là quý 3 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) **Bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị**

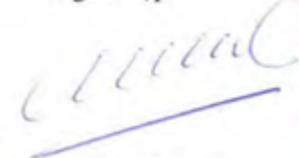
Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc bầu bổ sung bà Hồ Thu Lê và ông Phan Thanh Lộc làm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập của Công ty và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị lựa chọn thêm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập để đảm bảo đủ tiêu chí thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo quy định.

42. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

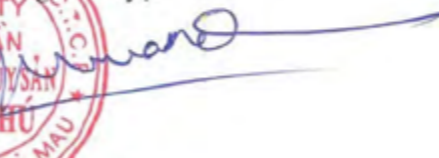
Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795

Website: www.minhphu.com
